



Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HOÁ LỎNG MIỀN BẮC**

- **13h30 – 14h00:** Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông
- **14h00 :** Khai mạc Đại hội.
 - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách và xác nhận cổ đông tham dự.
 - Thông qua Đoàn Chủ tịch, Tổ thư ký.
 - Thông qua nội dung quy chế làm việc của Đại hội.
 - Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội.
- **14h25 :** Trình bày các vấn đề sau:
 - Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 và kế hoạch 2017
 - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016; Báo cáo thực hiện tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2016, Kế hoạch năm 2017.
 - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch 2017
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị 2016 và Kế hoạch 2017.
 - Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2016 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017.
 - Tờ trình Sửa đổi tên Công ty.
- **15h30 – 16h00:** Thảo luận và Thông qua các Báo cáo, Tờ trình
- **16h00 – 16h15:** Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022.
- **16h15 – 16h30:** Nghi giải lao
- **16h30:** Thông qua Kết quả bầu cử. Thành viên HĐQT, thành viên ra mắt Đại hội.
- **16h50 – 17h00:** Tổng kết đại hội, thông qua Nghị quyết, Biên bản của Đại hội.
- **17h00:** Bế mạc cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
KHÍ HOÁ LỎNG MIỀN BẮC**



Hà nội, ngày tháng 4 năm 2017

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HOÁ LỎNG MIỀN BẮC (PVGAS NORTH)**

Mục tiêu :

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc kính trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

A. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của công ty phải ăn mặc chỉnh tề, nghiêm túc.
2. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức có quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

B. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP:

I. Nguyên tắc biểu quyết.

- Đúng Điều lệ, đúng luật và chính xác.
- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu do được ủy quyền..
- Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu phiếu đó hợp lệ theo quy định.
- Kết quả biểu quyết được tính theo tỷ lệ % giữa tổng số cổ phần của các phiếu biểu quyết hợp lệ và tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông dự họp.

II. Cách thức biểu quyết.

1. Quy định chung.

- Biểu quyết thông qua các báo cáo, nghị quyết của Đại hội cổ đông được tiến hành công khai, trực tiếp theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội và chỉ sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông (sau đây gọi tắt là cổ đông) tham dự Đại hội đồng cổ đông có quyền biểu quyết sẽ được phát 02 (hai) phiếu biểu quyết. Bao gồm:

- Phiếu biểu quyết màu hồng: Phiếu biểu quyết cho ý kiến về các nội dung xin ý kiến tại Đại hội.
- Phiếu biểu quyết màu xanh: Biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022.

Phiếu biểu quyết màu xanh được thu bởi các thành viên của Ban kiểm phiếu và được kiểm phiếu, lập biên bản.

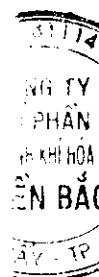
- Thông tin in trên phiếu biểu quyết:
 - Họ và tên cổ đông, hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông.
 - Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu: là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do cổ đông đại diện.
 - Nội dung biểu quyết.
 - Dấu treo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc.
- Phân loại phiếu biểu quyết.
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu in sẵn theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội phát, có đóng dấu treo của Công ty, phiếu không bị rách rời, không bị tẩy xóa, cạo, sửa chữa và có đánh dấu biểu quyết theo đúng quy định trên phiếu biểu quyết.
 - Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là phiếu không đúng theo quy định của phiếu hợp lệ.

2. Cách thức biểu quyết.

- Đối với phiếu biểu quyết màu hồng: Cổ đông biểu quyết khi được Đoàn chủ tịch hoặc Ban Tổ chức xin ý kiến về các vấn đề tổ chức Đại hội (Đoàn chủ tịch, Tổ bầu cử,..) hay thông qua các Báo cáo, Tờ trình: đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến.
- Đối với phiếu biểu quyết màu xanh dùng trong trường hợp Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được tiến hành theo hình thức bầu đôn phiếu.

C. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI:

1. **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn chủ tịch.
2. **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp Đại hội Cổ đông đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Cổ đông không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá 5 phút/ một lần.



D. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số (trên cơ sở tỷ lệ sở hữu/ đại diện phần vốn điều lệ).
2. Hướng dẫn cuộc họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình họp Đại hội đồng cổ đông.

E. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Soạn thảo Biên bản cuộc họp và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp của Đại hội cổ đông thường niên 2017 Công ty.



F. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU:

1. Xác định kết quả biểu quyết, bầu cử của cổ đông về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
2. Nhanh chóng thông báo cho Tổ Thư ký kết quả biểu quyết.
3. Xem xét và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông quyết định những trường hợp vi phạm quy chế bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên 2017 Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc.

Kính trình Đại hội thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HOÁ LỎNG MIỀN BẮC

Số: 14 /TTr-HĐQT-KMB

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và Kế hoạch năm 2017; Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán; Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2016 và Kế hoạch năm 2017.

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;

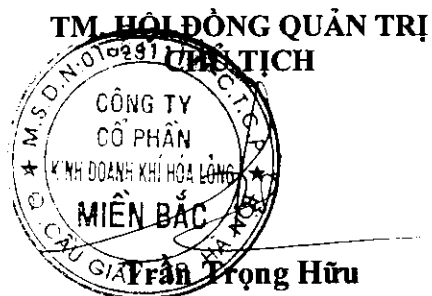
Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (KMB).

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (KMB) báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua Báo cáo Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và Kế hoạch năm 2017; Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán, Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2016 và Kế hoạch năm 2017. *(Tài liệu đính kèm)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, AT03.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

2008



**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016
& KẾ HOẠCH NĂM 2017**

Hà Nội, tháng 4 năm 2017

PHẦN 1
BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2016

Năm 2016 là năm có nhiều biến động đối với Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (KMB) với nhiều yếu tố chi phối, ảnh hưởng. Thị trường thế giới: giá dầu, giá CP trung bình của LPG biến động phức tạp và duy trì ở mức thấp so với kế hoạch xây dựng. Thị trường nguồn cung LPG trong và ngoài nước liên tục dư thừa. Việc dư nguồn cung và giá nguồn thấp cùng với hoạt động gian lận thương mại trong kinh doanh LPG không được xử lý dẫn đến cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh trong bán hàng gas rời và bán hàng dân dụng chủ yếu dựa trên yếu tố định giá thấp, chiếm dụng vỏ bình, chiết nạp lậu nhiều thương hiệu gas bán với mức giá thấp trong thời gian dài.

Năm 2016 cũng là năm đầu tiên KMB triển khai các chương trình, kế hoạch theo Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ LPG dân dụng của Tổng công ty khí Việt Nam (KVN) giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Từ tháng 8/2015, KMB cung cấp sản phẩm mới là khí CNG, đã tạo được niềm tin và uy tín với khách hàng. Tuy nhiên, việc điều chỉnh giảm sản lượng bán CNG và tăng giá theo chủ trương của KVN đã ảnh hưởng tới kế hoạch, uy tín đơn vị trong kinh doanh CNG, ảnh hưởng lớn tới phương án mở rộng chuyển đổi sang sử dụng khí CNG của khách hàng cũng như hiệu quả kinh doanh CNG của KMB.

Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết tâm cùng tập thể CBCNV toàn Công ty nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, từng bước khắc phục và giải quyết những khó khăn tồn tại, giữ vững sự ổn định của Công ty, cố gắng hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đã đề ra.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện/kế hoạch
1	Sản lượng				
1	LPG	Tấn	180.703	202.202	112%
1.1	LPG Công nghiệp	Tấn	122.622	141.068	115%
1.2	LPG Dân dụng	Tấn	58.081	61.134	105%
2	CNG	tr sm ³	34.42	43.76	127%
II	Chỉ tiêu tài chính				
3	Doanh thu	tỷ đồng	2.382*	2.525	106%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15.30	0,608	3,97%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện/kế hoạch
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	12.24	0,608	4.96%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn điều lệ	%	4.22	0.22	5.21%
7	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	10.82	12,206	113%
8	Vốn giải ngân ĐTXD	tỷ đồng	88,0	61,62	70%
9	Tổng tài sản	tỷ đồng		1.309,797	

(Ghi chú: * Kế hoạch doanh thu điều chỉnh tại Nghị quyết số 130/NQ-KVN ngày 30/12/2016 của KVN)

Một số kết quả, sự kiện quan trọng của KMB trong năm 2016:

- ❖ Công ty thực hiện cung cấp ổn định sản phẩm khí CNG cho 12 khách hàng với sản lượng 43.76 triệu Sm³ đạt 127% so với kế hoạch;
- ❖ Hoàn thành và đưa vào sử dụng Dự án Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng trong tháng 5/2016 hoạt động an toàn ổn định;
- ❖ Công ty đón nhận Huân chương lao động hạng 2 vào tháng 7/2016.
- ❖ Lần đầu tiên phối hợp với Công ty lọc hóa dầu Bình Sơn xuất khẩu LPG Dung Quất ra thị trường nước ngoài;
- ❖ Giữ vững thị phần kinh doanh, ký kết hợp đồng mới với nhiều khách hàng, đối tác lớn;
- ❖ Thực hiện tái cấu trúc Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và chủ trương về tái cấu trúc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng Công ty khí: chuyển đổi ba Công ty TNHH MTV sang hoạt động theo mô hình chi nhánh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỪNG LĨNH VỰC

1. Kinh doanh LPG hoàn thành vượt kế hoạch:

1.1. Nguồn hàng

Tổng hợp nguồn nhập năm 2016 của Công ty

STT	Nguồn	Thực hiện (tấn)	Tỷ lệ so sánh với tổng nguồn	Ghi chú
1	Dung Quất	118.452	59 %	

STT	Nguồn	Thực hiện (tấn)	Tỷ lệ so sánh với tổng nguồn	Ghi chú
2	KDK	58.395	29 %	Chiếm 71% lượng hàng nhập khẩu
3	Nhập khẩu	24.350	12 %	
	Tổng cộng	201.197		

- Tiếp tục thực hiện tốt chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam bao tiêu khối lượng hàng từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.
- Từ tháng 4/2016, KMB tập trung mua hàng của KDK và từ tháng 7/2016 tiếp tục chuyển mua toàn bộ hàng nhập khẩu của KDK, nâng tỉ trọng hàng nhập khẩu mua từ KDK lên 71% trên tổng hàng nhập khẩu.
- Kế hoạch cung cấp hàng trong năm 2016 tương đối ổn định, việc phối hợp giữa công ty và các đơn vị cung cấp nguồn được cải thiện so với năm 2015 và sẽ được các bên tiếp tục phối hợp nâng cao hiệu quả trong năm 2017.

1.2. Kinh doanh LPG công nghiệp

- Năm 2016, giá dầu thế giới xoay quanh ngưỡng dưới mức 50USD/thùng, bằng 83% KH; giá CP trung bình thực tế 340USD/tấn, chỉ bằng 75% CP theo kế hoạch.
- Giá CP thấp là nguyên nhân kích cầu tiêu dùng nên thị trường tiêu thụ LPG có tốc độ tăng trưởng nhanh trong các năm gần đây, tạo nhiều cơ hội cho phát triển khách hàng tiêu thụ trực tiếp. Tuy nhiên do nguồn LPG dư thừa nên cạnh tranh về giá hết sức khốc liệt giữa các hãng kinh doanh gas. KMB đã tập trung chăm sóc và đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ nhóm khách hàng truyền thống có sản lượng cao cũng như hiệu quả kinh doanh: các công ty Samsung, Honda, Yamaha, Bridgestones... và nhóm khách hàng mới chuẩn bị đầu tư vào các khu công nghiệp ở miền Bắc.
- KMB thực hiện mục tiêu tăng trưởng vào các nhóm khách hàng nhà máy, trạm chiết, đồng thời tìm kiếm các khách hàng tiềm năng để mở rộng thị trường trong nước và mở ra hướng đi mới xuất khẩu LPG Dung Quất ra thị trường nước ngoài.
- Tổng khối lượng bán hàng công nghiệp năm 2016: 141.068 tấn đạt 115% kế hoạch. Số lượng khách hàng: 76 khách hàng công nghiệp.
- Công ty linh hoạt, chủ động, tối ưu hóa công tác nhập – xuất – tồn và điều tiết nguồn hàng đảm bảo nhu cầu tiêu thụ của khách hàng. Công nợ bán hàng được kiểm soát tốt hơn năm 2015, các khách hàng mới đều có bảo lãnh đầy đủ.
- Công tác dịch vụ cho khách hàng được thực hiện tốt như tư vấn thiết kế - xây lắp các trạm cấp LPG, công tác kiểm tra, đánh giá an toàn – kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa các trạm cấp của khách hàng.

1.3. Kinh doanh LPG dân dụng

- Năm 2016, mặc dù phải đối mặt thị trường cạnh tranh rất khốc liệt nhưng KMB vẫn đạt sản lượng bán dân dụng là 61.134 tấn, tăng 5% so với kế hoạch và vượt 4% so với mục tiêu chiến lược năm 2016 (vượt 2.366 tấn so với mục tiêu 58.768 tấn).

- Mức Margin bán lẻ LPG dân dụng năm 2016 của các chi nhánh thấp: từ 74 – 120 USD/Tấn, chưa đạt so với mục tiêu chiến lược của KMB (130 USD/Tấn) do mặt bằng giá bán thấp, cạnh tranh thị trường. Tuy nhiên, nhờ sự hỗ trợ rất quan trọng của Tổng Công ty đối với hoạt động bán lẻ nên KMB đã cơ bản hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đề ra.
- Từ tháng 3/2016, KMB đã thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động các công ty thành viên thành các chi nhánh, gồm 3 chi nhánh vùng. Việc tái cơ cấu cũng làm tăng chi phí bán lẻ của Công ty.
- Các Chi nhánh luôn thực hiện các chính sách bán hàng linh hoạt để ổn định giá bán theo mặt bằng của thị trường, và thực hiện các chính sách tăng trưởng theo kịch bản chiến lược, trong khi các đối thủ cạnh tranh luôn bán hàng với mức giá rất thấp trong năm 2016 nên ảnh hưởng tới hiệu quả SXKD chung.

Kết quả thực hiện kế hoạch của 3 Chi nhánh năm 2016

Stt	Tiêu đề	Đơn vị tính	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ TH/KH
	Sản lượng		58.081	61.134	105%
1	Bắc Bộ	Tấn	24.081	25.428	105.6%
2	Duyên hải	Tấn	19.000	18.223	97.6%
3	Miền Trung	Tấn	15.000	17.744	113.2%

- Hệ thống phân phối được mở rộng ở hầu hết các kênh, phụ thuộc đặc điểm từng vùng thị trường và hiện đang được phát triển theo hướng giảm khâu trung gian, bán hàng đến tận tay người tiêu dùng tại các tỉnh thành Miền Bắc.

Tổng hợp Đại lý, trạm nạp thuộc các Chi nhánh

Stt	Tiêu đề	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016				So sánh 2016 với 2015 (%)
				CN Bắc Bộ	CN Duyên Hải	CN Miền Trung	Tổng cộng	
I	Hệ thống phân phối		309	280	31	29	340	110%
I	Đại lý đang duy trì	Đại lý	291	270	27	25	322	111%
2	Trung tâm	Đại lý	11	7	2	1	10	91%
3	Chi nhánh/VP	Cơ sở	7	3	2	3	8	114%
II	Trạm nạp	Trạm	19	8	6	5	19	100%
1	Trạm thuộc Công ty	Trạm	7	2	2	3	7	100%
2	Trạm thuê	Trạm	12	6	4	2	12	100%

- Chiến lược bán lẻ LPG dân dụng của Tổng Công ty đã được phê duyệt tạo định hướng dài hạn để phát triển thị phần kinh doanh. Tuy nhiên trong năm đầu triển khai.

việc thực hiện các nội dung còn chậm so với tiến độ đã đề ra, ảnh hưởng đến tính chủ động và hiệu quả kinh doanh bán lẻ của Công ty.

2. Kinh doanh CNG

Từ tháng 8/2015 đến tháng 12/2016 Công ty đã cung cấp CNG cho 12 khách hàng đạt sản lượng tiêu thụ 46,67 triệu Sm³, trong đó:

- + Năm 2016: sản lượng thực hiện là 43,76 triệu Sm³, bằng 127% KH được giao.
- + Lợi nhuận âm 2.5 tỷ đồng do việc điều chỉnh giá đầu vào theo quyết định của KVN tăng lên ở Quý III và Quý IV cho phần sản lượng tăng thêm so với kế hoạch.

Kinh doanh CNG đã cung cấp khí cho 12 khách hàng gồm Mitac, Long Phương, Thạch Bàn, Enkei, Catalan, Hồng Hà, VFG, Việt Úc, Thanh Trì, Việt Trì, SSE, Tiên Sơn với kết quả như sau:

- Các khách hàng sau khi chuyển đổi sang sử dụng khí CNG đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ, khách hàng mong muốn sử dụng lâu dài để ổn định sản xuất kinh doanh. Nhiều khách hàng có kế hoạch mở rộng sản xuất và chuyển đổi các dây chuyền sản xuất còn lại sang sử dụng khí CNG.
- Công tác an toàn, kỹ thuật được tiến hành kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất, đảm bảo tính ổn định của hệ thống thiết bị trạm giảm áp.
- Công tác phối hợp điều độ khí được duy trì chặt chẽ với đơn vị cung cấp nguồn, luôn cập nhật tình hình trạm nén khi có sự cố và liên hệ thường xuyên với đơn vị vận tải đảm bảo không gián đoạn khí cấp cho khách hàng.
- 4 tháng cuối năm 2016, Công ty thực hiện nghiêm túc chủ trương của Tổng Công ty về việc điều chỉnh giảm sản lượng bán CNG theo kế hoạch đăng ký đảm bảo hiệu quả kinh doanh chung của toàn Tổng Công ty.

Kinh doanh CNG gặp nhiều khó khăn do không đảm bảo nguồn cung cho các khách hàng theo hợp đồng đã ký, dẫn đến khả năng rủi ro trong kinh doanh CNG vì không thực hiện đúng cam kết.

- Theo dõi sát công nợ khách hàng để đảm bảo không phát sinh công nợ quá hạn và vượt giá trị bảo lãnh. Tất cả các khách hàng đã có bảo lãnh mua hàng.

3. Tàng trữ - Giao nhận

Sản lượng nhập tàu 2016

Tổng kho	Tổng nhập tàu (tấn)	Vòng quay kho (vòng/tháng)
Đình Vũ	113.347	3.15
Hải Phòng	13.056	1
Vũng Áng	12.918	0,6
Đà Nẵng	2.920	0,3

- Đảm bảo tiếp nhận hàng hóa an toàn, kịp thời theo kế hoạch của Công ty.
- Luôn thực hiện nghiêm chỉnh các qui định về an toàn PCCN trong nhập tàu, vận hành kho trạm, xuất nhập xe bồn, chiết nạp và phân phối bình gas.
- Quản lý, giám sát công tác xuất nhập hàng hoá tại Tổng Kho và các Kho gửi hàng, không để xảy ra thất thoát hàng hoá, tỉ lệ hao hụt nhập LPG ở mức (-0.03%/năm), xuất LPG ở mức (0.004%/năm) thấp hơn so với định mức hao hụt được duyệt (0.3%/năm đối với nhập LPG và 0.14%/năm đối với xuất LPG).
- Phối hợp nhân lực giữa 2 Kho tại khu vực Hải Phòng được thực hiện tốt.
- Xây dựng định mức vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, tiêu hao vật tư, nhân công đảm bảo hợp lý, tiết kiệm, tăng hiệu và quản lý định mức.
- Tăng cường công tác dịch vụ kỹ thuật để xử lý kịp thời các kiến nghị của khách hàng.
- Tự thực hiện một số công việc bảo dưỡng sửa chữa, các dự án nhỏ, giảm chi phí thuê ngoài.
- Công tác dịch vụ kiểm tra an toàn xe bồn, các trạm cấp LPG của khách được thực hiện tốt, được khách hàng đánh giá cao.
- Từ tháng 6/2016, KMB bắt đầu đưa Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng vào khai thác hoạt động.

4. Công tác An toàn, Sức khỏe, Môi trường:

KMB luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn của Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Khí và Nhà nước về công tác an toàn, bảo vệ môi trường. Liên tục rà soát, ban hành đầy đủ các nội quy, quy định, biện pháp về đảm bảo An ninh – An toàn – Sức khỏe – Môi trường. Một số kết quả chính đạt được như sau:

- Duy trì Hệ thống quản lý AT-CL-MT theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004;
- Triển khai chương trình STOP (Safety Training Observation Program) tại 3 Tổng kho LPG trực thuộc, gần 300 thẻ STOP được ghi nhận, bước đầu tạo phong trào đưa văn hóa an toàn tới từng người lao động;
- Tổ chức hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về AT-VSLĐ-PCCN và Ngày PCCC toàn dân: tổ chức diễn tập PCCC với cảnh sát PCCC địa phương được 8 lượt tại các đơn vị sản xuất trong toàn Công ty;
- Kiểm định định kỳ 100% (553/553) các thiết bị áp lực, thiết bị phòng nổ. Trong năm 2016, 4 Trung tâm sơn sửa, kiểm định bình gas của Công ty kiểm định được 239.449 bình LPG;
- Kiểm tra an toàn 207 lượt xe bồn LPG, trailer và đầu kéo chuyên chở CNG;
- Thực hiện 5S (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Sẵn sóc – Sẵn sàng) tại Văn phòng Công ty, các Tổng kho và Chi nhánh.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý về công tác AT-PCCC của Tổng kho LPG Đà Nẵng, các Trạm CNG trước khi đưa vào hoạt động;

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện chế độ bồi dưỡng làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại bằng hiện vật cho 269 CBCNV. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 487 CBCNV theo quy định;
- Thực hiện quan trắc môi trường tại các đơn vị sản xuất được 28/28 lượt theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, trách nhiệm công cộng cho tất cả các công trình khí và bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm LPG, CNG của Công ty.
- Trong năm, không để xảy ra sự cố, tai nạn và ảnh hưởng môi trường đáng kể nào trong các hoạt động tại các đơn vị của toàn Công ty.

5. Đầu tư Xây dựng cơ bản

- Quản lý chặt chẽ, bám sát kế hoạch, tiến độ các dự án của Công ty.
- Vốn giải ngân cả năm là: 61.62 tỷ đồng. Thanh quyết toán một số công trình phải điều chỉnh tiến độ do các nhà thầu phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Hoàn thành và đưa vào sử dụng Dự án Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng trong tháng 5/2016; kết thúc giai đoạn 1 đầu tư cơ sở vật chất của Công ty.
- Triển khai dự án đầu tư XD Trạm chiết nạp Khí dầu mỏ hóa lỏng Thái Nguyên.
- Hoàn thành cung cấp, lắp đặt thiết bị và đưa vào cung cấp CNG cho nhà máy: Long Phương, Catalan, VFG, Thép Việt Úc, Thép SSE, Hồng Hà, Thạch Bàn;

6. Công tác dịch vụ

Ngoài việc tuân thủ ưu tiên sử dụng các dịch vụ trong ngành, KMB đã thực hiện thuê hầu hết dịch vụ trong ngành như vận tải của PVTrans, tư vấn đầu tư xây dựng và thiết kế của PVE, mua bảo hiểm của PVI. Trong năm 2016, KMB còn tập trung, tích cực phát triển công tác dịch vụ, tiêu biểu là:

- KMB thực hiện dịch vụ cho thuê kho nhà xưởng Công ty Daesun. Tổng doanh thu năm 2016: 1.2 tỷ đồng;
- Xây lắp hệ thống bồn chứa LPG phục vụ khách hàng Daesun: 60 tấn;
- Tổ chức xây lắp bổ sung bồn 10 tấn phục vụ chiết nạp hàng nhập khẩu bình 45kg cho Chi nhánh Duyên Hải tại Hải Phòng;
- Xây lắp trạm CNG cung cấp cho nhà máy Catalan, Long Phương, Hồng Hà, xây lắp hệ thống chuyển đổi đầu đốt cho nhà máy VFG, Thép Việt Úc;
- Thiết kế trạm cung cấp CNG cho khách hàng công nghiệp: Trạm CNG Viglacera Tiên Sơn, Trạm CNG khách hàng SSE Việt Úc;
- Xây lắp bồn 10 tấn cho khách hàng Lioa;
- Xây lắp hệ thống giàn bình LPG 45 kg phục vụ công tác chạy thử của Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, tổng thầu JGCS;
- Xây lắp trạm LPG phục vụ khách hàng Texhong Quảng Ninh.
- Cung cấp dịch vụ nạp CNG vào bình chứa CNG cho Nhà máy Ô tô 1.5, chạy thử xe bus CNG.

- Cung cấp dịch vụ CNG cho Tokyo Gas, Ecospeed, Gas Việt Nhật: Ứng dụng CNG để hàn cốt thép trong Xây dựng nhà cao tầng, xây dựng cầu đường, ...

Đến nay, KMB đã trở thành một đối tác có uy tín được các khách hàng tin tưởng.

7. Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo và tái cấu trúc công ty.

7.1. Công tác tổ chức và đào tạo:

- Tính đến thời điểm cuối năm 2016, tổng số lao động là 487 người trong đó có 395 lao động nam chiếm 81.1%, lao động nữ chiếm 18.9% và lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 40,45%.

- Chú trọng công tác đào tạo theo các quy định của Nhà nước và đào tạo tại chỗ nhằm tiết giảm kinh phí và nắm bắt nhanh công việc. Năm 2016, Công ty đã tổ chức đào tạo cho 804 lượt người, bằng 133% KH với tổng chi phí đào tạo lên đến 539 triệu đồng bằng 81.3% KH. Trong đó, riêng đào tạo về lĩnh vực an toàn là 546 lượt người với 22 khóa và tổng kinh phí đào tạo cho hoạt động an toàn là 347 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty được TCT hỗ trợ đào tạo 95 lượt đào tạo và Công ty đào tạo cho khách hàng công nghiệp được 55 lượt về công tác an toàn:

- Công ty đã tiến hành sửa đổi quy chế trả lương theo đúng quy định của pháp luật về tiền lương tối thiểu.
- Thực hiện nghiêm túc chủ trương không tăng lao động.

7.2. Công tác tái cấu trúc:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và chủ trương về tái cấu trúc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty khí, KMB đã nghiêm túc tiến hành và hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ trong việc Tái cấu trúc Công ty gồm: Sát nhập các công ty TNHH MTV do KMB làm chủ sở hữu vào Công ty; Thành lập các chi nhánh tại các tỉnh thành để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Sắp xếp lại lao động để phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh mới, đồng thời hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo đúng quy định của Pháp luật; Hoàn thành bổ nhiệm các chức danh chủ chốt cho các chi nhánh; Hoàn thiện Quy chế hoạt động của các chi nhánh trực thuộc...

- Hoạt động giải thể công ty thành viên và cơ cấu lại tổ chức có ảnh hưởng làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của KMB do có nhiều thủ tục và giấy tờ pháp lý cần phải chuyển đổi.

8. Công tác Tài chính – Kế toán

- Quản lý tốt các dòng tiền, đảm bảo lưu chuyển tiền tệ hợp lý, tăng hiệu quả dòng tiền, khai thác các dòng tiền có chi phí vốn thấp, góp phần tiết giảm chi phí tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Quản lý, giám sát chặt chẽ thời hạn thanh toán, công nợ khách hàng để tránh rủi ro trong kinh doanh;

- Tính toán giá thành kinh doanh cho từng nhóm khách hàng, từng khu vực thị trường để phục vụ tốt cho hoạch định chính sách kinh doanh;

- Quản lý chặt chẽ chi phí kinh doanh, công tác phí, chi phí văn phòng đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí;
- Lập và nộp Báo cáo tài chính đúng hạn đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đúng quy định cho sàn giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Theo dõi thường xuyên tình hình đầu tư vốn vào các công ty khác.
- Khó khăn do thiếu vốn lưu động và vốn đầu tư dài hạn, do vậy chi phí lãi vay hàng năm rất cao.

9. Công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí

Thực hiện chương trình hành động tiết kiệm, tiết giảm chi phí theo chủ trương/ chỉ đạo của Tập đoàn và thu xếp quản lý vốn, giá thành hiệu quả. Công ty đã tiết kiệm được 2.94 tỷ đồng tương đương với 101% kế hoạch. Trong đó tiết giảm chi phí sản xuất trực tiếp là 818 triệu đồng, tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp là 370 triệu đồng, tiết kiệm chi phí chi phí đầu tư xây dựng cơ bản 327 triệu đồng, đặc biệt công ty đã sắp xếp và quản lý chặt chẽ quá trình bán hàng, công tác vận chuyển giao nhận, đào tạo nâng cao nghiệp vụ bán hàng cho CBCNV do đó tiết giảm chi phí trong khâu bán hàng ước đạt 1,4 tỷ đồng.

10. Hoạt động An sinh – Xã hội, công tác đoàn thể

- Trong năm 2016, Công đoàn Công ty đã vận động 100% đoàn viên công đoàn tham gia nhiều phong trào từ thiện, ủng hộ các CBCNV có bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh khó khăn.
- Công đoàn Công ty đã giám sát việc thực hiện các quy định của Luật lao động, Luật BHXH, thỏa ước lao động tập thể của công ty... đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi của mình, đặc biệt là các chế độ nghỉ ngơi, thai sản, nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau thai sản, chế độ ốm đau...
- Giám sát việc khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty hàng năm và khám sức khỏe, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho những CBCNV làm các công việc nặng nhọc, độc hại theo quy định.
- Công đoàn, Đoàn thanh niên Công ty làm tốt vai trò tuyên truyền vận động Công đoàn viên, đoàn viên thanh niên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và các đợt thi đua do Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty phát động.
- Tuy nhiên trong năm 2016, Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty chỉ được trích rất hạn chế, nên việc chi từ quỹ phúc lợi cho người lao động gặp nhiều khó khăn
- Công đoàn phối hợp với Đoàn Thanh niên tích cực tham gia phòng trào Xanh - Sạch - Đẹp kho trạm, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.
- Chi Hội cựu chiến binh KMB có 34 hội viên, luôn đoàn kết hăng hái lao động góp phần xây dựng Công ty. Chi hội đã phối hợp với Hội CCB PVGas tổ chức các hoạt động về nguồn, thăm lại chiến trường xưa, chăm sóc thăm hỏi hội viên ốm đau hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

III. TỒN TẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Bên cạnh những thành tích quan trọng đã đạt được nêu trên, hoạt động SXKD của KMB do những lý do khách quan về cơ chế, chính sách, giá dầu giảm,... nên còn một số tồn tại như sau:

- Công tác quản trị cần được tăng cường theo yêu cầu phát triển SXKD của Công ty và chiến lược tăng trưởng trong giai đoạn tới.
- Quản lý chi phí cần tối ưu hóa để nâng cao tỷ suất lợi nhuận. Năng suất lao động cần tiếp tục nâng cao để tận dụng tối đa hiệu quả lao động hiện có.
- Công tác phối hợp giữa các bộ phận cần tiếp tục cải tiến để đảm bảo hiệu quả SXKD.
- Một số khoản công nợ quá hạn kéo dài mặc dù đã được tập trung xử lý nhưng chưa được xử lý dứt điểm.

2. Bài học kinh nghiệm.

Từ những kết quả và tồn tại trên, để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cả năm 2016, KMB đã rút ra các bài học:

- Xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm để tập trung nguồn lực thực hiện, đặc biệt chú trọng hoạt động kinh doanh LPG và ổn định kinh doanh CNG. Không ngừng nâng cao công tác an toàn vận hành kho, trạm, phát huy tối đa hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất đã được đầu tư.
- Rà soát, xây dựng các bộ định mức giao nhận LPG/CNG, bảo dưỡng sửa chữa, an toàn môi trường, sơn sửa kiểm định nhằm quản lý tốt hơn các chi phí liên quan, tiết kiệm, tiết giảm các chi phí nhằm từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Không ngừng nâng cao năng suất lao động, kiện toàn tổ chức để hoạt động của Công ty ngày càng chuyên nghiệp.
- Tăng cường công tác dự báo thị trường phục vụ kế hoạch nguồn hàng, cân đối tồn kho phù hợp với thời điểm xuất/nhập hàng.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý công nợ không để công nợ quá hạn phát sinh thêm. Triệt để thu hồi công nợ cũ.
- Đoàn kết nhất trí trong tập thể lãnh đạo vì mục tiêu phát triển KMB, phát huy tốt sức mạnh của cả hệ thống chính trị; Nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, phát huy tốt vai trò của tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên.
- Động viên, khen ngợi kịp thời các nhân tố tích cực, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV. Nhắc nhở, kỷ luật kịp thời đối với các cán bộ nhân viên không hoàn thành nhiệm vụ.

PHẦN II : KẾ HOẠCH NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Thuận lợi:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và TCT Khí luôn hỗ trợ công tác bán lẻ, phát triển khách hàng PETROVIETNAM GAS.
- Kế hoạch 5 năm 2016-2020. Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 tạo thuận lợi cho KMB xây dựng, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch.
- Hệ thống hạ tầng phục vụ kinh doanh đã hoàn thành đầu tư trong năm 2016 tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ kinh doanh.
- Công tác tăng cường quản trị Công ty bước đầu tạo một số chuyển biến trong hoạt động SXKD.

Khó khăn:

Năm 2017, thị trường kinh doanh LPG, CNG tiếp tục đối mặt với một số khó khăn thách thức:

- Giá dầu vẫn đang ở mức đáy và biến động khó dự đoán phụ thuộc nhiều vào các biến động chính trị trên thế giới.
- Dự báo dư thừa cung về LPG cao hơn so với nhu cầu sử dụng. Nền kinh tế Việt Nam có tín hiệu phục hồi sản xuất nhưng chưa ổn định. Thị trường tiêu thụ LPG dự báo tăng trưởng trên cơ sở mặt bằng giá cạnh tranh mạnh, tỷ suất lợi nhuận thấp như năm 2016.
- Công tác dự báo, nắm bắt thông tin nguồn hàng gặp nhiều khó khăn trước tình hình khủng hoảng kinh tế và chính trị thế giới còn phức tạp.
- Việc giảm sản lượng tiêu thụ cung cấp CNG cho khách hàng so với kế hoạch ban đầu triển khai dự án khí Thái Bình cùng với việc chưa có kế hoạch dài hạn tiếp theo cho việc phát triển CNG tại Miền Bắc sẽ tiếp tục gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh CNG.
- Sự cạnh tranh của các hãng luôn định giá thấp, cạnh tranh hệ thống kênh phân phối đến người tiêu dùng đang được các hãng triển khai mạnh, gây khó khăn cho các hãng gas uy tín lớn.
- Các văn bản pháp luật của Nhà nước thiếu ổn định (về lĩnh vực kinh doanh khí) và chưa rõ ràng. Thực thi các quy định của Nhà nước chưa nghiêm nên chưa bảo hộ được quyền sở hữu thương hiệu: việc thu giữ vô bình lẫn nhau, buôn bán vô bình trái phép, sang chiết nạp lậu tiếp tục diễn biến phức tạp.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Dự đoán tình hình phát triển kinh tế vĩ mô thế giới, khu vực, tình hình thị trường LPG Việt Nam năm 2017.

- Chiến lược phát triển Tổng Công ty Khí đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.
- Chiến lược thị trường bán lẻ LPG dân dụng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.
- Phương án kinh doanh CNG năm 2017 với giá dầu cơ sở 50USD/thùng, giá dầu FO: 8.904đ/lít.
- Dự báo của Tổng Công ty Khí về giá CP bình quân năm 2016: CP = 376.5 USD/MT; Pre DQ = 58 USD/MT; Pre NK = 83 USD/MT; Tỷ giá: 22.500đ/USD.
- Năng lực hiện có của Công ty.
- Tình hình thị trường công nghiệp, thị trường dân dụng từng vùng.

III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2017 được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tăng cường quản trị Công ty đảm bảo nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả SXKD, ổn định tổ chức không ngừng nâng cao hiệu quả SXKD và đời sống người lao động.
- Đảm bảo công tác an ninh, an toàn tại các kho, trạm, hệ thống vận chuyển, phân phối LPG, CNG.
- Tham gia phân phối hiệu quả nguồn LPG trong nước theo chỉ đạo và định hướng của Tập đoàn và Tổng công ty góp phần ổn định sản xuất kinh doanh, bình ổn thị trường.
- Ổn định nguồn hàng phục vụ sản xuất kinh doanh 2017.
- Triển khai các chương trình hỗ trợ bán lẻ bình dân dụng theo chiến lược phát triển chung của PVGAS giai đoạn 1 (năm 2016 – 2017).
- Định vị, bảo vệ và phát triển thương hiệu PetroVietNam Gas theo định hướng của Tổng Công ty Khí, hướng tới lợi ích cổ đông, người tiêu dùng và cộng đồng xã hội. tiếp tục các chương trình quảng cáo phục vụ bán lẻ:
 - + Đẩy mạnh phát triển hệ thống bán hàng trực tiếp tới gần với người tiêu dùng.
 - + Phát triển bền vững hệ thống kênh phân phối định hướng vào các khách hàng tiêu thụ trực tiếp.
 - + Triển khai các chương trình khuyến mại để thúc đẩy bán hàng.
- Tăng cường công tác quản lý, thu hồi công nợ khách hàng để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ với người lao động theo quy định của pháp luật. Triển khai các chế độ lương, thưởng gắn với hiệu quả.
- Đàm phán khách hàng linh hoạt chuyển đổi nhiên liệu đốt thay thế song song với khí CNG.
- Đảm bảo hiệu quả tiêu thụ sản lượng CNG được TCT giao.

- Vận hành, khai thác an toàn, hiệu quả các Tổng kho LPG từ Đà Nẵng trở ra, các trạm giảm áp PRU, phối hợp với các đối tác cung ứng dịch vụ đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục
- Triển khai dịch vụ kiểm định, sơn sửa bình gas cho các đối tác khác tại các trạm kiểm định của công ty.
- Đẩy mạnh công tác dịch vụ và chăm sóc khách hàng.
- Triển khai và quản lý các dự án theo đúng tiến độ đảm bảo an toàn chất lượng và tiết kiệm.
- Bảo toàn và phát triển vốn đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các cổ đông
- Thực hiện đầy đủ quy định về an toàn, đảm bảo vận hành liên tục hệ thống trạm chiết, kho chứa;
- Tiếp tục tái cơ cấu để không ngừng nâng cao hiệu quả SXKD.
- Tuân thủ định hướng chiến lược phát triển của Tập Đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty Khí. Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng Công ty và Tập đoàn.
- Hỗ trợ các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Nữ công, Hội cựu chiến binh hoạt động hiệu quả.

IV. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017
I	Sản lượng		
1	LPG	Tấn	203.487
	<i>LPG công nghiệp</i>	<i>tấn</i>	<i>135.312</i>
	<i>LPG dân dụng</i>	<i>tấn</i>	<i>68.175</i>
2	Khí nén CNG	Tr.SM3	40
II	Vốn điều lệ	tỷ đồng	277.2
III	Doanh thu	tỷ đồng	2846.6
IV	Chỉ tiêu lao động		
1	Số lao động cuối kỳ	người	512
2	Thu nhập bình quân	trđ/tháng	13.93
V	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	10.9

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017
VI	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	8.8
VII	Nộp ngân sách	tỷ đồng	6.9

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

1. Công tác sản xuất kinh doanh LPG

- Bám sát các chỉ tiêu kế hoạch 2017 đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Điều tiết nguồn hàng hợp lý, khai thác tối đa hiệu quả các kho chứa LPG của công ty. Phối hợp với KDK các khách hàng khác tận dụng khai thác kho chứa của KMB hiệu quả hơn.
- Đẩy mạnh thị trường xuất khẩu để chủ động cân đối nguồn hàng, tăng lợi nhuận kinh doanh.
- Mở rộng thị trường khách hàng công nghiệp mới: Tập trung vào nhóm khách hàng có yêu cầu dịch vụ cao, có tài chính tốt và đảm bảo lợi nhuận kinh doanh. Quản lý từng khách hàng, thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng.
- Tăng cường kiểm soát và tối ưu hóa chi phí trong kinh doanh trong toàn Công ty.
- Xây dựng chính sách bán lẻ bám sát chiến lược chung của TCT: chính sách phát triển thị trường trọng điểm, thị trường mới; tiếp tục triển khai kênh phân phối, chiến lược marketing theo chiến lược chung. Thiết lập các tiêu chí giám sát chính sách giá, chiết khấu, giảm giá phù hợp với thị trường và khu vực của từng chi nhánh.
- Đầu tư, xây dựng và phát triển hệ thống bán bình trực tiếp tại các thị trường trọng điểm và trung tâm các tỉnh/thành. Phân loại và hỗ trợ hệ thống cửa hàng phát triển bán bình PVGAS.
- Triển khai kịp thời các chương trình khi có sự hỗ trợ của TCT theo chiến lược bán lẻ.
- Đầu tư mua vỏ bình mới kịp thời, có hiệu quả, phù hợp với sản lượng bán hàng tăng thêm. Đẩy mạnh dịch vụ hỗ trợ bán hàng bình 45kg.
- Quảng cáo, khuyến mại tới người tiêu dùng trực tiếp, tại các khu vực thị trường trọng điểm.
- Duy trì thỏa thuận giữa các đơn vị trong hiệp hội gas về phối hợp bán hàng.
- Tìm kiếm khách hàng để hợp tác khai thác tối đa kho Đà Nẵng, kho Vũng Áng nhằm giảm bớt khó khăn về chi phí của kho.

2. Công tác sản xuất kinh doanh CNG:

- Tập trung xử lý các tình huống phát sinh do điều chỉnh sản lượng CNG trong năm 2017 đảm bảo uy tín trên thị trường. Linh hoạt trong cung cấp CNG cho các khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Bám sát phối hợp với TCT thực hiện các nội dung chiến lược phát triển bán lẻ được duyệt đảm bảo hiệu quả.
- Đàm phán với khách hàng cắt giảm sản lượng tiêu thụ khí CNG, kinh doanh chuyển đổi sử dụng nhiên liệu thay thế trong thời gian gián đoạn việc cung cấp khí CNG.
- Xây dựng cơ chế giá bán cho khách hàng phù hợp với tình hình biến động của giá dầu, giá CP thế giới.
- Quản lý chặt chẽ sản lượng tiêu thụ, công nợ của từng khách hàng, quản lý hao hụt trong giao nhận khí.
- Đảm bảo an toàn hoạt động tại các trạm PRU.
- Phối hợp với PVGASD, đơn vị vận tải điều tiết hàng hóa, đảm bảo nguồn hàng cung cấp đủ và kịp thời cho khách hàng CNG.

3. Công tác An toàn - Chất lượng - Môi trường

- Triển khai Hệ thống quản lý AT-CL-MT theo tiêu chuẩn ISO 4500:2017, ISO9001:2015, ISO14001:2015;
- Thực hiện đầy đủ công tác ATCLMT theo quy định của TCT và yêu cầu của pháp luật.
- Rà soát, cập nhật định mức sản xuất kinh doanh phù hợp hoạt động tại đơn vị.

4. Công tác Dịch vụ Kỹ thuật – Đầu tư Xây dựng và Khoa học – Công nghệ:

- Đẩy mạnh công tác dịch vụ kỹ thuật lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các trạm cấp LPG/CNG cho các khách hàng.
- Triển khai tích cực dự án Trạm nạp LPG Thái Nguyên.
- Tiếp tục triển khai xây lắp trạm LPG cho khách hàng: Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Lioa, Texhong.
- Hoàn thành quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã thực hiện.
- Thực hiện cho thuê hoặc chuyển giao cầu cảng, diện tích đất chưa sử dụng hết tại dự án Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng.
- Tiếp tục phát huy phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất để tăng năng suất, thực hành tiết kiệm, đảm bảo an toàn trong sản xuất và đầu tư.
- Thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư và Quyết định số 1079/QĐ-KVN ngày 5/9/2014 về Quy trình thực hiện giám sát và đánh giá trực tiếp dự án đầu tư của Tổng Công ty.

5. Tổ chức nhân sự, đổi mới doanh nghiệp:

- Lao động định biên 2017: 512 người.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và nhân sự cho Công ty;

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu Công ty theo đúng yêu cầu của Tập đoàn, Tổng công ty: sắp xếp nhân sự, ổn định mô hình sản xuất kinh doanh.
- Hoàn thiện việc xây dựng các quy trình, quy chế làm việc, quy hoạch cán bộ theo định hướng chiến lược của Công ty nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng lao động và phù hợp với những quy định mới của Pháp luật;
- Có chính sách đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty, khuyến khích người lao động trong Công ty không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ;
- Nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý nhân lực của Công ty.
- Xây dựng và áp dụng hệ thống quy chế lương, thưởng phù hợp theo hướng gắn liền tiền lương, thu nhập của người lao động với chất lượng lao động và hiệu quả công tác, coi trọng trình độ chuyên môn, tay nghề cao, lao động có kỹ thuật cao, kỹ luật cao...

6. Công tác tài chính

- Kiểm soát chặt chẽ công nợ, tài sản.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí theo từng loại hình sản xuất kinh doanh.
- Cân đối dòng tiền hợp lý, thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án với chi phí hợp lý.
- Bảo toàn và phát triển vốn.
- Xây dựng và đề xuất phương án xử lý các khoản nợ quá hạn của khách hàng.

7. Công tác đoàn thể:

- Thăm hỏi, động viên kịp thời các trường hợp ốm đau, thai sản, hiếu hỉ trong Công ty, tạo niềm tin và sự gắn bó của CBCNV với Công ty.
- Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi của mình, đặc biệt là các chế độ nghỉ ngơi, thai sản, nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau thai sản, chế độ ốm đau...
- Tích cực đẩy mạnh phong trào thi đua, hăng say lao động sản xuất, để đoàn kết phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

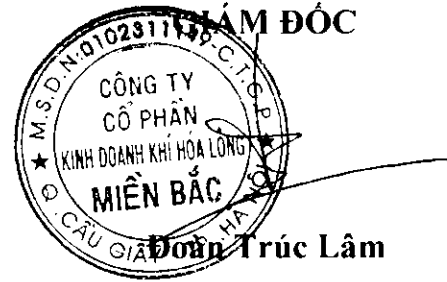
VI. KIẾN NGHỊ

Trong bối cảnh thị trường còn khó khăn, kế hoạch năm 2017 là thách thức và cũng là mục tiêu phấn đấu của toàn thể Lãnh đạo, từng CBCNV của Công ty CP Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc. Tạo điều kiện hỗ trợ và động lực để hoàn thành kế hoạch năm 2017, KMB kính đề nghị Tổng Công ty Khí và Tập đoàn dầu khí Việt Nam xem xét các nội dung sau:

1. TCT xem xét tăng thời gian thanh toán đối với các hợp đồng mua bán LPG giữa KMB với KDK để giảm áp lực vốn cho KMB, đảm bảo hiệu quả kinh doanh như đã hỗ trợ KMB trong giai đoạn năm 2010 - 2011.
2. TCT xem xét có chiến lược, cơ chế dài hạn đối với hoạt động kinh doanh CNG trong bối cảnh nguồn cung tối đa của mỏ Thái Bình là cố định để KMB ổn định

kinh doanh, đảm bảo cung cấp hàng đầy đủ cho các khách hàng đã ký hợp đồng lâu dài.

3. TCT kịp thời triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển bán lẻ theo chiến lược đã phê duyệt của PVGAS để KMB sớm đưa vào thực hiện ngay từ đầu năm 2017.

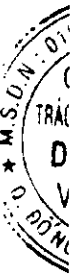


**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG
MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

250
IG
EMH
OIT
NA
4 - TT

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trọng Hữu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Đoàn Trúc Lâm	Thành viên
Ông Phạm Tô Văn	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Trúc Lâm	Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc
Ông Tạ Quốc Anh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Số: 755 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu trình bày trên cột so sánh của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chỉ mang tính tham khảo, và không so sánh được với số liệu năm nay do cấu trúc Công ty đã thay đổi như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 22 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Vũ Mạnh Hùng".

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		519.912.982.639	697.199.768.763
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	32.530.639.728	90.264.447.515
1. Tiền	111		32.530.639.728	24.942.055.540
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	65.322.391.975
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.000.000.000	16.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	16.000.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		364.565.230.109	551.202.534.199
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	385.370.265.612	515.134.499.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.267.514.465	35.738.124.208
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.178.479.277	16.093.709.177
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(44.251.029.245)	(15.763.798.544)
IV. Hàng tồn kho	140	10	52.575.033.746	13.778.985.169
1. Hàng tồn kho	141		52.575.033.746	16.778.985.169
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.000.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.242.079.056	25.953.801.880
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.008.526.652	491.810.365
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.786.887.454	23.082.197.864
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	3.446.664.950	2.379.793.651

Y
C
H
H
E
M
H
A
N

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		789.884.381.036	530.937.454.859
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.433.061.354	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	17.433.061.354	-
II. Tài sản cố định	220		461.572.391.395	205.461.098.315
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	458.981.179.423	205.252.260.714
- Nguyên giá	222		667.777.681.564	338.934.128.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.796.502.141)	(133.681.867.293)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	2.591.211.972	208.837.601
- Nguyên giá	228		4.037.046.456	756.970.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.445.834.484)	(548.133.069)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	24.515.433.300	-
- Nguyên giá	231		25.306.253.729	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(790.820.429)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	2.819.043.865	196.736.099.328
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.819.043.865	196.736.099.328
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.920.000.000	61.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	51.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	36.920.000.000	35.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		271.624.451.122	67.740.257.216
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	271.624.451.122	67.740.257.216
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.309.797.363.675	1.228.137.223.622

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

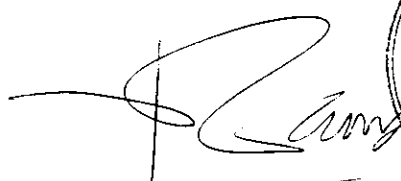
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

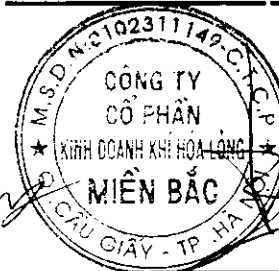
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		927.863.123.975	825.597.701.407
I. Nợ ngắn hạn	310		837.898.350.241	801.957.668.327
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	510.174.848.575	366.656.337.133
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		246.871.360	722.504.441
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.181.096.260	28.170.156
4. Phải trả người lao động	314		14.136.277.345	12.988.282.647
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.489.429.508	10.654.402.421
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	865.371.671	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	20.644.770.295	3.827.573.404
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	286.159.685.227	407.080.398.125
II. Nợ dài hạn	330		89.964.773.734	23.640.033.080
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	25.055.507.820	23.260.584.852
2. Phải trả dài hạn khác	337	20	64.529.817.686	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		379.448.228	379.448.228
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		381.934.239.700	402.539.522.215
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	381.934.239.700	402.539.522.215
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		277.198.500.000	277.198.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		277.198.500.000	277.198.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.717.060.000	19.717.060.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		83.824.619.704	83.824.619.704
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.194.059.996	21.799.342.511
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		609.838.011	(2.291.792.327)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		584.221.985	24.091.134.838
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.309.797.363.675	1.228.137.223.622



Hoàng Thị Thủy Chi
 Người lập biểu



Phạm Thị Diệu Thúy
 Kế toán trưởng



Đoàn Trúc Lâm
 Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.525.198.676.252	2.552.787.273.688
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	2.525.198.676.252	2.552.787.273.688
3. Giá vốn hàng bán	11	25	2.148.825.822.698	2.420.436.121.000
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		376.372.853.554	132.351.152.688
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	6.720.143.106	17.623.956.512
6. Chi phí tài chính	22	28	15.361.912.547	11.821.285.214
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.234.758.692	9.535.731.842
7. Chi phí bán hàng	25	29	294.945.354.972	80.523.740.408
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	72.529.346.369	34.071.599.042
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		256.382.772	23.558.484.536
10. Thu nhập khác	31		443.517.875	647.754.557
11. Chi phí khác	32		91.678.662	115.104.255
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		351.839.213	532.650.302
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		608.221.985	24.091.134.838
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		608.221.985	24.091.134.838
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	22	694

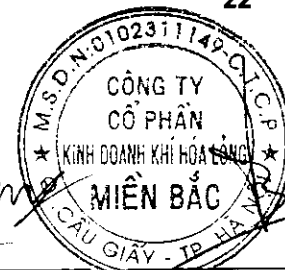
Chy

Hoàng Thị Thùy Chi
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Diệu Thúy

Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng



Đỗ Trúc Lâm
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

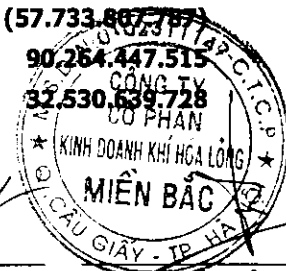
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	608.221.985	24.091.134.838
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	33.571.371.388	16.863.876.776
Các khoản dự phòng	03	22.283.165.391	5.679.239.140
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(6.720.143.106)	(17.623.956.512)
Chi phí lãi vay	06	15.234.758.692	9.535.731.842
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	64.977.374.350	38.546.026.084
Thay đổi các khoản phải thu	09	185.012.718.932	98.536.285.726
Thay đổi hàng tồn kho	10	(23.055.508.637)	30.343.609.281
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(65.832.639.355)	(88.906.534.153)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(12.514.066.013)	(859.126.837)
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.127.021.485)	(8.599.164.338)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(146.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.032.624.430)	(4.553.495.389)
Số dư Tiền và tương đương tiền tại thời điểm chấm dứt hoạt động của các công ty con, sáp nhập vào Công ty		12.577.702.982	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	137.005.936.344	64.361.600.374
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(58.729.472.871)	(177.955.257.179)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(16.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.130.998.298	4.009.433.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.598.474.573)	(189.945.823.480)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.639.561.076.704	1.870.919.770.909
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.760.481.789.602)	(1.831.239.372.784)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.220.556.660)	(97.627.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(138.141.269.558)	39.582.770.874
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(57.733.807.787)	(86.001.452.232)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	90.264.447.515	176.265.899.747
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	32.530.639.728	90.264.447.515

Hoàng Thị Thủy Chi
 Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Diệu Thúy
 Kế toán trưởng



Đoàn Trúc Lâm
 Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 6 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu là PVG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 462 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 150).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh phân đạm, amoniac, các sản phẩm hóa chất khác, các dịch vụ trong kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực;
- Giám định kỹ thuật chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực;
- Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Đào tạo lao động kỹ thuật ngành gas (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị kho chứa, trạm chiết nạp LPG và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh LPG và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ kiện, kho bãi, trạm chiết nạp LPG và sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm dầu khí.

Hoạt động chính của Công ty trong năm chủ yếu là kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐCD-KMB ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chấm dứt hoạt động của ba công ty trực thuộc do Công ty nắm giữ 100% vốn (bao gồm Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội, Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung) theo phương án sáp nhập các công ty trực thuộc vào Công ty và chuyển giao chức năng, nhiệm vụ của các công ty trực thuộc trên cho các chi nhánh vùng miền của Công ty.

Theo đó, doanh thu và chi phí phát sinh từ thời điểm sát nhập đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các công ty trực thuộc nêu trên đã được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty với giá trị như sau:

	<u>Doanh thu</u>	<u>Chi phí</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội (nay là Chi nhánh Bắc Bộ)	188.595.558.171	189.100.456.473
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định (nay là Chi nhánh Duyên Hải)	130.112.857.446	134.884.678.574
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung (nay là Chi nhánh Miền Trung)	144.084.800.555	143.639.733.324
	<u>462.793.216.172</u>	<u>467.624.868.371</u>

Đồng thời, toàn bộ giá trị tài sản, nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các công ty trực thuộc nêu trên đã được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán của Công ty với giá trị như sau:

	<u>Tổng tài sản</u>	<u>Nợ phải trả</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội (nay là Chi nhánh Bắc Bộ)	151.052.822.750	151.611.856.312
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định (nay là Chi nhánh Duyên Hải)	95.224.498.080	99.996.319.208
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung (nay là Chi nhánh Miền Trung)	106.088.499.013	105.643.431.782
	<u>352.365.819.843</u>	<u>357.251.607.302</u>

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có tất cả 12 chi nhánh trong đó bao gồm 3 chi nhánh lớn sau:

- Chi nhánh Bắc Bộ;
- Chi nhánh Duyên Hải;
- Chi nhánh Miền Trung.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các chi nhánh phụ thuộc và văn phòng Công ty. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các chi nhánh phụ thuộc với văn phòng Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	(Số năm khấu hao)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 22
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 9
Tài sản cố định khác	4 - 7

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 20 năm đối với quyền sử dụng đất, và 3 năm đối với phần mềm máy tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	32

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước cho giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng; tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng trả trước, lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa và các chi phí trả trước khác.

Giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm. Nguyên giá bình gas mua vào bao gồm chi phí mua bình gas và các chi phí liên quan khác để bình gas ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời hạn của hợp đồng thuê vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của Hệ thống kho chứa LPG tại Đình Vũ – Hải Phòng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền nhận được từ ký quỹ vỏ bình gas được phân bổ vào thu nhập theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.786.767.979	61.036.587
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.743.871.749	24.881.018.953
Các khoản tương đương tiền	-	65.322.391.975
	<u>32.530.639.728</u>	<u>90.264.447.515</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Như trình bày tại Thuyết minh số 21, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi có kỳ hạn này để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36.920.000.000	(25.000.000.000)	35.000.000.000	(25.000.000.000)
Đầu tư vào đơn vị khác				
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (**)</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>(25.000.000.000)</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>(25.000.000.000)</i>
<i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại TQT</i>	<i>1.920.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang sở hữu 2.500.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam) với số tiền đầu tư là 25 tỷ VND, tương đương với 5% vốn góp. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào công ty này. Ban Giám đốc tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất mà Công ty thu thập được dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến mức dự phòng Công ty đã trích lập.

Các giao dịch trọng yếu trong năm giữa Công ty và các công ty nhận vốn góp được trình bày tại Thuyết minh số 33 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Tình hình hoạt động của các đơn vị đã nhận vốn góp của Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại TQT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	335.652.999.783	253.576.918.922
Công ty TNHH Tú An	34.223.168.714	46.164.151.848
Công ty TNHH Dầu Khí Gia Định	27.702.064.268	35.942.937.287
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	18.971.957.067	19.012.415.104
Công ty TNHH Guangxi Yuchai PetroChemical	16.658.168.636	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Bùi Nguyễn Gia Phát	14.663.640.731	9.616.801.202
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	6.083.800.914	13.443.229.762
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà	6.338.390.156	6.444.074.287
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Chi nhánh Thái Nguyên	10.697.668.812	11.506.123.789
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	10.388.691.369	-
Các khách hàng khác	189.925.449.116	111.447.185.643
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 33)</i>	49.717.265.829	261.557.580.436
	385.370.265.612	515.134.499.358

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	1.531.612.638	2.383.433.454
Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm chi	4.872.192.828	3.736.903.658
Hàng vay trả	2.112.409.312	2.961.625.269
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	2.374.954.598
Lãi tiền gửi và đầu tư khác dự thu	1.207.031.575	859.347.355
Hao hụt vận chuyển	1.076.684.241	1.122.125.173
Phải thu khác	5.378.548.683	2.655.319.670
	16.178.479.277	16.093.709.177
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	17.433.061.354	-
	17.433.061.354	-

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Đối tượng	74.049.009.293	29.797.980.048		68.496.894.717	52.733.096.173	
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	47.089.648.144	23.544.824.072	Từ 1 năm đến 2 năm	47.089.648.144	47.089.648.144	Từ trên 6 tháng đến 1 năm
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	18.971.957.067	3.641.156.165	Trên 3 năm	19.012.415.104	3.892.415.104	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gas và Sản phẩm Dầu khí Hà Nội	919.712.205	-	Trên 3 năm	919.712.205	275.913.661	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	615.167.509	-	Trên 3 năm	965.969.508	965.969.508	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	6.452.524.368	2.611.999.811	Từ 1 năm đến trên 3 năm	509.149.756	509.149.756	Từ 1 năm đến trên 3 năm

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	11.072.403.493	-	3.925.966.467	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.059.618.303	-	117.048.966	-
Công cụ, dụng cụ	4.510.065.524	-	672.799.945	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.596.967.583	-	1.422.200.951	-
Thành phẩm	129.799.170	-	-	-
Hàng hóa	33.206.179.673	-	10.640.968.840	(3.000.000.000)
	52.575.033.746	-	16.778.985.169	(3.000.000.000)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.000.000.000 VND (năm 2015 trích lập: 3.000.000.000 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho lớn hơn giá gốc.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.008.526.652	491.810.365
	2.008.526.652	491.810.365
b) Dài hạn		
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (i)	169.746.939.775	-
Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước	78.108.230.634	61.160.275.072
Tiền lãi chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	8.000.000.000	-
Tiền thuế sử dụng khu đất Hascom	2.475.769.493	2.548.054.733
Phí sử dụng cầu cảng	-	823.957.093
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.293.511.220	3.207.970.318
	271.624.451.122	67.740.257.216

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 1, trong năm Công ty đã thực hiện sáp nhập các công ty con vào Công ty, theo đó chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ của các công ty con tại thời điểm sáp nhập được phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty với số tiền khoảng hơn 173 tỷ VND. Khoản mục chi phí chờ phân bổ này biến động trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng do điều chuyển từ các chi nhánh	173.455.121.778	-
Tăng trong năm	16.471.358.731	-
Kết chuyển vào chi phí	(20.179.540.734)	-
Số dư cuối năm	169.746.939.775	-

- (ii) Phản ánh tiền lãi phát sinh còn phải phân bổ do chậm nộp tiền bán cổ phần lần đầu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Công văn số 8515/DKVN-TCKT ngày 03 tháng 12 năm 2014 và Công văn số 2786/DKVN-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2015 gửi tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định số lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty chỉ còn lại số tiền là 10.066.823.208 VND.

Trong năm 2016, Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền lãi chậm nộp nêu trên cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian còn lại của Hệ thống hệ thống kho chứa LPG tại Đình Vũ - Hải Phòng với số tiền là 2.066.823.208 VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc phân bổ như trên hoàn toàn phù hợp với mục đích sử dụng của khoản tiền thu từ cổ phần hóa để lại Công ty trong giai đoạn 2007-2010.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số dư đầu năm VND	Phát sinh trong năm			Số dư cuối năm VND
		Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Điều chuyển VND	
a) Các khoản phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	654.497.206	654.497.206
- Thuế GTGT đầu ra	-	-	-	654.497.206	654.497.206
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.113.996.001	-	-	646.701.269	2.760.697.270
Thuế thu nhập cá nhân	263.797.650	-	263.797.650	29.470.474	29.470.474
Thuế khác	2.000.000	-	-	-	2.000.000
Cộng	2.379.793.651	-	263.797.650	1.330.668.949	3.446.664.950

Chi tiêu	Số dư đầu năm VND	Phát sinh trong năm			Số dư cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Điều chuyển VND	
b) Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	18.812.666	6.796.705.319	6.815.517.985	74.263.719	74.263.719
- Thuế GTGT đầu ra	18.812.666	6.796.705.319	6.815.517.985	74.263.719	74.263.719
Thuế nhập khẩu	-	2.818.308.784	2.818.308.784	-	-
Tiền thuê đất	-	1.640.056.446	1.640.056.446	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	44.184.409	44.184.409
Thuế thu nhập cá nhân	9.357.490	1.981.542.933	928.313.090	60.799	1.062.648.132
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	28.170.156	13.240.613.482	12.206.196.305	118.508.927	1.181.096.260

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	149.007.961.040	159.511.075.815	3.827.609.945	2.235.107.744	24.352.373.463	338.934.128.007
Mua mới trong năm	-	71.956.100	727.273.000	-	-	799.229.100
XDCB hoàn thành	92.153.689.024	181.173.362.655	-	-	214.539.517	273.541.591.196
Tăng do sáp nhập các công ty con	50.560.794.973	18.420.609.965	9.316.822.618	1.147.668.525	363.090.909	79.808.986.990
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(25.306.253.729)	-	-	-	-	(25.306.253.729)
Số dư cuối năm	266.416.191.308	359.177.004.535	13.871.705.563	3.382.776.269	24.930.003.889	667.777.681.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	55.297.104.480	67.943.245.018	3.567.783.693	1.349.315.611	5.524.418.491	133.681.867.293
Khấu hao trong năm	11.281.385.332	21.541.891.952	472.311.565	91.778.912	48.385.121	33.435.752.882
Tăng do sáp nhập các công ty con	24.721.591.322	8.039.378.502	8.575.531.046	891.152.311	242.049.214	42.469.702.395
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(790.820.429)	-	-	-	-	(790.820.429)
Số dư cuối năm	90.509.260.705	97.524.515.472	12.615.626.304	2.332.246.834	5.814.852.826	208.796.502.141
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	93.710.856.560	91.567.830.797	259.826.252	885.792.133	18.827.954.972	205.252.260.714
Tại ngày cuối năm	175.906.930.603	261.652.489.063	1.256.079.259	1.050.529.435	19.115.151.063	458.981.179.423

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 67.000.133.282 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 43.900.695.436 VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	756.970.670	-	756.970.670
Mua mới trong năm	60.000.000	-	60.000.000
Tăng do sáp nhập các công ty con	239.920.000	2.980.155.786	3.220.075.786
Số dư cuối năm	1.056.890.670	2.980.155.786	4.037.046.456
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	548.133.069	-	548.133.069
Khấu hao trong năm	85.949.243	49.669.263	135.618.506
Tăng do sáp nhập các công ty con	239.920.000	522.162.909	762.082.909
Số dư cuối năm	874.002.312	571.832.172	1.445.834.484
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	208.837.601	-	208.837.601
Tại ngày cuối năm	182.888.358	2.408.323.614	2.591.211.972

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị khu đất nhận chuyển nhượng từ Xí nghiệp Gas Hascom của Chi nhánh Miền Trung với thời gian sử dụng là 20 năm.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 696.890.670 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 VND)

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	689.722.174	196.736.099.328
Trong đó:		
+) <i> Tổng kho sản phẩm khí Đà Nẵng</i>	588.343.265	183.914.791.947
+) <i> Trung tâm kiểm định Nghi Xuân - Hà Tĩnh</i>	-	10.412.838.878
+) <i> Công trình khác</i>	101.378.909	2.408.468.503
- Mua sắm Tài sản cố định	2.129.321.691	-
	2.819.043.865	196.736.099.328

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	-	-
Chuyển sang từ Tài sản cố định hữu hình	25.306.253.729	25.306.253.729
Số dư cuối năm	25.306.253.729	25.306.253.729
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	790.820.429	790.820.429
Số dư cuối năm	790.820.429	790.820.429
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	24.515.433.300	24.515.433.300

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	54.423.181.237	54.423.181.237	116.071.267.050	116.071.267.050
Công ty TNHH Super Gas	11.468.505.517	11.468.505.517	66.052.418.540	66.052.418.540
E1 Corporation	-	-	32.140.892.920	32.140.892.920
Các đối tượng khác	42.954.675.720	42.954.675.720	17.877.955.590	17.877.955.590
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 33)	455.751.667.338	455.751.667.338	250.585.070.083	250.585.070.083
	510.174.848.575	510.174.848.575	366.656.337.133	366.656.337.133

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	199.291.757	796.231.950
Chi phí xây dựng các trạm nạp CNG chưa quyết toán	3.701.794.486	-
Chi phí xây dựng bồn chứa gas Sam Sung	-	500.000.000
Chi phí xây dựng kho Hải Phòng	-	9.358.170.471
Chi phí xây dựng Tổng kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng	588.343.265	-
	4.489.429.508	10.654.402.421

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu nhận trước cho Công ty TNHH Daesun Vina thuê nhà xưởng, cơ sở hạ tầng	25.920.879.491	23.260.584.852
- Ngắn hạn	865.371.671	-
- Dài hạn	25.055.507.820	23.260.584.852
	25.920.879.491	23.260.584.852

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải trả hàng vay	18.131.999.032	222.020.491
Cổ tức phải trả	1.833.445.884	2.737.833.304
Các khoản khác	679.325.379	867.719.609
	20.644.770.295	3.827.573.404
Dài hạn		
Ký cược vỏ bình gas (i)	64.529.817.686	-
	64.529.817.686	-

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 1, trong năm Công ty đã thực hiện sáp nhập các công ty con vào Công ty, theo đó khoản tiền nhận ký cược vỏ bình gas của các công ty con tại thời điểm sáp nhập được phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty với số tiền khoảng 72 tỷ VND. Khoản mục tiền ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm biến động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng do điều chuyển từ các chi nhánh	72.270.820.294	-
Nhận ký cược vỏ bình gas trong năm	8.744.483.624	-
Kết chuyển vào doanh thu	(16.154.905.315)	-
Hoàn tiền đặt cọc vỏ bình gas	(330.580.917)	-
Số dư cuối năm	64.529.817.686	-

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Vay ngắn hạn	407.080.398.125	407.080.398.125	1.639.561.076.704	1.760.481.789.602	286.159.685.227	286.159.685.227
Cộng	407.080.398.125	407.080.398.125	1.639.561.076.704	1.760.481.789.602	286.159.685.227	286.159.685.227

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	133.510.937.845	150.731.411.508
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam		100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	152.648.747.382	92.931.896.696
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	40.367.769.377
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	23.049.320.544
	286.159.685.227	407.080.398.125

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/HĐTD/VCBHN-PVGas North ngày 16 tháng 9 năm 2016. Khoản tín dụng này có mức dư nợ tối đa là 300.000.000,000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Khoản vay được bảo đảm bằng cầm cố tài khoản tiền gửi số 25000836519 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hà Nội - giá trị tài sản đảm bảo là 16.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và được cấp hạn mức kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 25 tháng 01 năm 2017. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn của L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, từng Hợp đồng cấp bảo lãnh và từng L/C. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong từng thời kỳ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/4752598/HĐTD ngày 05 tháng 9 năm 2016. Khoản tín dụng này có mức dư nợ tối đa là 300.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Khoản vay được bảo đảm bằng uy tín, năng lực và dòng tiền của Công ty. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và được cấp hạn mức kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2017. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn của L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, từng Hợp đồng cấp bảo lãnh và từng L/C. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

C. C.
TY
Đ. H.
TE
M
HA

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	277.198.500.000	19.717.060.000	83.824.619.704	(2.257.896.938)	378.482.282.766
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.091.134.838	24.091.134.838
Chi thường Ban điều hành và khác	-	-	-	(33.000.000)	(33.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(895.389)	(895.389)
Số dư đầu năm nay	277.198.500.000	19.717.060.000	83.824.619.704	21.799.342.511	402.539.522.215
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	608.221.985	608.221.985
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	(4.600.000.000)	(4.600.000.000)
Chi thường Ban điều hành và khác	-	-	-	(243.200.000)	(243.200.000)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(16.316.169.240)	(16.316.169.240)
Giảm khác	-	-	-	(54.135.260)	(54.135.260)
Số dư cuối năm nay	277.198.500.000	19.717.060.000	83.824.619.704	1.194.059.996	381.934.239.700

Ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

- (*) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 4,6 tỷ VND;
- (**) Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 của Công ty trong năm với số tiền khoảng 16,3 tỷ VND.

Vốn điều lệ

Chi tiết vốn điều lệ góp bởi các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	186.306.310.000	35,88	99.466.310.000	35,88	99.466.310.000	35,88
Các cổ đông khác	90.892.190.000	64,12	177.732.190.000	64,12	177.732.190.000	64,12
	277.198.500.000	100	277.198.500.000	100	277.198.500.000	100

Vốn đã góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 277.198.500.000 VND tương ứng với các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.719.850	27.719.850
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.719.850	27.719.850

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các chi nhánh là kinh doanh gas hóa lỏng; các hoạt động liên quan đến cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh sản phẩm chính gas hóa lỏng và chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ (khoảng 5%). Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là liên quan đến hoạt động kinh doanh gas hóa lỏng và các dịch vụ phụ trợ nêu trên. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 24 và số 25.

Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không có khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán gas công nghiệp	1.692.775.386.671	2.415.350.545.039
Doanh thu bán gas lẻ	451.982.580.206	-
Doanh thu bán CNG	327.429.088.211	27.800.449.323
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	43.639.627.405	109.636.279.326
Doanh thu từ ký quỹ vỏ bình gas	9.371.993.759	-
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 33)	282.466.896.283	735.534.623.019
- Doanh thu từ các khách hàng khác	2.242.731.779.969	1.817.252.650.669
	2.525.198.676.252	2.552.787.273.688

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.134.346.573.774	2.335.935.911.460
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.479.248.924	84.500.209.540
	2.148.825.822.698	2.420.436.121.000

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.499.616.520	3.945.585.140
Chi phí nhân công	50.222.631.730	30.741.855.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.571.371.388	16.863.876.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.137.420.788	45.834.509.668
Chi phí khác	66.236.731.267	17.209.511.953
	392.667.771.693	114.595.339.450

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.478.682.518	3.550.322.722
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	3.829.095.680	14.073.633.790
Doanh thu hoạt động tài chính khác	412.364.908	-
	6.720.143.106	17.623.956.512

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.234.758.692	9.535.731.842
Lỗ chênh lệch tỷ giá	127.153.855	2.285.553.372
	15.361.912.547	11.821.285.214

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương nhân viên	21.294.018.671	11.572.493.543
Chi phí khấu hao TSCĐ	642.293.987	262.304.579
Chi phí mua ngoài	21.567.451.295	10.649.509.509
Chi phí khác	29.025.582.416	11.587.291.411
	72.529.346.369	34.071.599.042
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí lương nhân viên	27.665.625.165	19.169.362.370
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.920.321.677	16.601.572.197
Chi phí mua ngoài	195.123.962.133	42.295.400.078
Chi phí khác	40.235.445.997	2.457.405.763
	294.945.354.972	80.523.740.408

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	608.221.985	24.091.134.838
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.013.492.959)	(13.746.521.568)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(3.829.095.680)</i>	<i>(14.073.633.790)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>815.602.721</i>	<i>327.112.222</i>
Chuyển lỗ	-	(10.344.613.270)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(2.405.270.974)	-
<i>Thuế suất</i>	<i>20%</i>	<i>22%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	608.221.985	24.091.134.838
- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	-	4.843.200.000
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	608.221.985	19.247.934.838
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.719.850	27.719.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	694

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.846.248.450	1.445.624.603

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.341.347.500	7.034.789.111
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	18.071.467.500	20.681.406.778
Sau năm năm	-	-
	<u>26.412.815.000</u>	<u>27.716.195.889</u>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 1.198 m² mặt sàn văn phòng của Công ty và 332 m² mặt sàn của Chi nhánh Bắc Bộ tại tầng 11, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Hà Nội trong vòng 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Khoản mục đầu tư
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	Công ty thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	Công ty thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Thăng Long	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Đông Đô	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Gas Đô thị	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty TNHH City Gas Miền Bắc	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Công ty thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Công ty thuộc Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	282.466.896.283	735.534.623.019
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	114.502.117.694	286.077.550.395
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định	84.191.509.261	197.860.481.536
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	73.519.470.464	199.789.484.838
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu Khí	1.792.479.798	-
Công ty Cổ phần Phát triển Gas Đô thị	1.555.652.789	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	547.250.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	246.192.522	-
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	-	51.479.088.911
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	-	208.786.353
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn dầu khí Việt Nam	1.060.132.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	5.052.091.755	119.230.986
Mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản	1.668.551.201.004	1.516.349.959.531
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	847.284.818.769	1.035.027.043.228
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	591.034.259.577	450.134.500.795
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	168.868.818.886	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	42.657.227.066	16.579.683.580
Công ty Cổ phần Phân Bón & Hóa chất Dầu khí Miền Trung	5.316.993.750	-
Viện Dầu khí Việt Nam - Thuê văn phòng	8.413.445.488	7.860.432.491
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	1.669.681.865	2.196.622.526
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	1.393.417.214	1.489.188.551
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	-	1.831.237.276
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	588.343.265	-
Công ty Bảo hiểm PVI Thăng Long	762.428.208	929.996.552
Công ty Bảo hiểm PVI Đông Đô	526.111.916	227.749.714
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	35.655.000	73.504.818
Khác		
Chi phí lãi vay - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	3.322.476.667	2.310.000.000
Lãi tiền gửi - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	9.493.850	1.010.307.104

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.002.020.364	2.367.627.093

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng	49.717.265.829	261.557.580.436
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	47.089.648.144	47.089.648.144
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	-	281.705.000
Công ty Cổ phần Phát triển Gas Đô thị	133.542.500	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	207.594.700	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	330.330.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	28.325.000	28.325.000
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Nam	-	20.878.635
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	9.091.916	2.849.055
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn - Bảo đảm dự thầu	-	500.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	-	86.633.280.941
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định	-	65.372.632.626
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	-	61.628.261.035
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.918.733.569	-
Phải trả người bán	455.751.667.338	250.585.070.083
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	244.802.495.584	157.945.518.360
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	151.070.385.083	88.367.070.129
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	5.886.192.909	1.681.882.580
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp	53.779.783.115	-
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Nam	-	853.559.141
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	764.762.207
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	175.517.736	123.384.444
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	37.292.911	117.915.083
Viện Dầu khí Việt Nam	-	40.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí Việt Nam	-	618.978.139
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Dầu khí Việt Nam	-	72.000.000
Khác	404.120.168	101.146.410.861
Vay ngắn hạn - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	100.000.000.000
Lãi vay phải trả - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	660.000.000
Phí công đoàn Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	89.409.041	149.640.559
Phải thu khác - Tổng Công ty Khí Việt Nam	311.701.636	312.882.176
Phải trả khác - Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	3.009.491	23.888.126

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 18.381.194.036 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, và bao gồm 9.956.941.358 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm 2015 nhưng đã được thanh toán trong năm này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 1.833.445.884 VND là số cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.737.833.304 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trình bày trên cột so sánh của bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

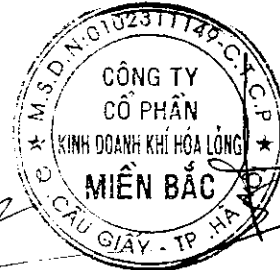
Các số liệu này chỉ mang tính tham khảo và không so sánh được do cấu trúc Công ty đã thay đổi như trình bày tại Thuyết minh số 1.



**Hoàng Thị Thùy Chi
Người lập biểu**



**Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng**



**Đoàn Trúc Lâm
Giám đốc**

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch 2017

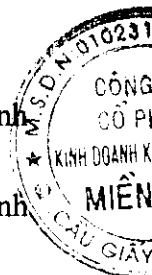
Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc;
Căn cứ Quy chế quản lý Tài chính của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc;
Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc (KMB) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 xem xét, phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016

Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.382	2.525	106%
Vốn điều lệ	tỷ đồng	362,2	277,2	76,53%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15,3	0,608	3,97%
Tỷ suất LNTT/VĐL	%	4,22	0,21	4,9%
Thuế TNDN	tỷ đồng	3,06	-	-
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	12,24	0,608	4,97%
Trích lập các quỹ	tỷ đồng	5,65	0,048	0,85%
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	tỷ đồng	5,4	-	-
+ Thù lao HĐQT, BKS	tỷ đồng	0,05	0,048	96%
+ Thưởng ban điều hành	tỷ đồng	0,2	-	-
+ Quỹ đầu tư phát triển	tỷ đồng	-	-	-
Lợi nhuận sau khi trừ các quỹ trích lập	tỷ đồng	6,59	0,56	8,49%
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm trước	tỷ đồng	0,35	0,35	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối 2016	tỷ đồng	6,94	0,91	13,11%



2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017

Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017
Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.846,6
Vốn điều lệ	tỷ đồng	277,2
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	10,9
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	8,8
Trích lập các quỹ	tỷ đồng	5,65
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	tỷ đồng	5,4
+ Thù lao HĐQT, BKS	tỷ đồng	0,05
+ Thưởng ban điều hành	tỷ đồng	0,2
Lợi nhuận sau khi trừ các quỹ trích lập	tỷ đồng	3,15
Lợi nhuận còn lại từ năm trước	tỷ đồng	0,91
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2017	tỷ đồng	4,06

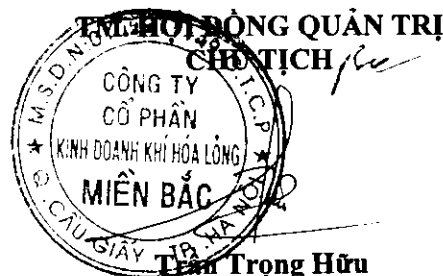
Kế hoạch năm 2017 được xây dựng trên cơ sở giá dầu thô thế giới khoảng 50 USD/thùng, trong trường hợp giá dầu thô thế giới biến động dẫn đến giá khí đầu vào, đầu ra hoặc các yếu tố khác có sự thay đổi, HĐQT công ty xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

Hội đồng quản trị Công ty KMB kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch năm 2017 để Hội đồng quản trị Công ty KMB có cơ sở thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu HĐQT. TH 02.





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN BẮC

BÁO CÁO THỰC HIỆN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

STT	Họ tên	Chức danh	Tổng số tiền	Trong đó		Ghi chú
				Tiền lương và thưởng từ quỹ lương	Tiền thù lao	
2	Trần Trọng Hữu	Chủ tịch HĐQT	726,180,000.00	726,180,000.00		
3	Đoàn Trúc Lâm	TV HĐQT, Giám đốc	642,390,000.00	642,390,000.00		
4	Phạm Tô Văn	TV HĐQT.	614,460,000.00	614,460,000.00		
5	Nguyễn Thanh Bình	TV HĐQT kiêm nhiệm	36,000,000.00		36,000,000.00	
6	Hoàng Thị Thu Hằng	TV HĐQT, Phó Giám đốc	530,670,000.00	530,670,000.00		
7	Trần Kim Phụng	Trưởng Ban Kiểm soát	446,880,000.00	446,880,000.00		
8	Chu Minh Hà	TV BKS	265,335,000.00	265,335,000.00		
9	Trần Thị Việt Anh	TV BKS kiêm nhiệm	12,000,000.00		12,000,000.00	
	Cộng		3,273,915,000.00	3,225,915,000.00	48,000,000.00	

Ghi chú: Chức danh chuyên trách và kiêm nhiệm hưởng lương KMB thì không hưởng thù lao.

Người lập biểu

Phạm Quang Huy

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2017
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
TRƯỞNG PHÒNG

Vương Dũng Hoàng



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN BẮC

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

STT	Chức danh	Số người	Tổng số tiền	Trong đó		Ghi chú
				Tiền lương và thưởng từ quỹ lương	Tiền thù lao	
1	Chủ tịch HĐQT	1	726,180,000	726,180,000		
2	Thành viên HĐQT	3	1,787,520,000	1,787,520,000		
3	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	1	36,000,000		36,000,000	
4	Trưởng ban kiểm soát	1	446,880,000	446,880,000		
5	Thành viên ban kiểm soát	1	265,335,000	265,335,000		
6	Thành viên ban kiểm soát kiêm nhiệm	1	12,000,000		12,000,000	
	Tổng		3,273,915,000	3,225,915,000	48,000,000	

Ghi chú: Chức danh chuyên trách và kiêm nhiệm hưởng lương KMB thì không hưởng thù lao.

Hà nội, ngày 03 tháng 04 năm 2017
HỒNG TÔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Người lập biểu

Phạm Quang Huy

Vương Dũng Hoàng

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016 & KẾ HOẠCH NĂM 2017

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty gồm 5 thành viên:

Nhân sự thành viên của HDQT như sau:

- Ông Trần Trọng Hữu - Chủ tịch
- Ông Đoàn Trúc Lâm - Ủy viên – Giám đốc
- Bà Hoàng Thị Thu Hằng - Ủy viên – Phó Giám đốc
- Ông Phạm Tô Văn - Ủy viên
- Ông Nguyễn Thanh Bình - Ủy viên

Để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) 2016 giao, HDQT Công ty đã tích cực triển khai các hoạt động theo nghị quyết của Đại hội, quy định tại Điều lệ và các quy chế, cụ thể như sau:

1. Về công tác chỉ đạo và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2016:

Trên cơ sở kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCD thông qua, HDQT đã bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, nghị quyết kịp thời để Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện hoạt động SXKD. Chủ tịch HDQT thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tháng cùng với bộ máy điều hành của Công ty để theo dõi, giám sát và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, phối hợp với Giám đốc xử lý những khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD.

Trong năm 2016, hoạt động SXKD của công ty gặp một số khó khăn cụ thể như sau:

- Năm 2016, giá dầu, CP thế giới biến động phức tạp và duy trì ở mức thấp, thấp hơn kế hoạch (giá dầu xoay quanh ngưỡng dưới mức 50USD/thùng, bằng 83% KH; giá CP trung bình thực tế 334USD/tấn, chỉ bằng 74% CP theo kế hoạch).
- Nguồn cung LPG dư thừa, cạnh tranh về giá diễn ra khốc liệt, các công ty kinh doanh LPG đưa nhau giảm giá nhằm tránh rủi ro do hàng tồn kho và duy trì thị phần.
- Thực hiện công tác tái cấu trúc các công ty trực thuộc tốn nhiều thời gian và chi phí, ảnh hưởng đến lợi nhuận kinh doanh của KMB.
- Công tác phối hợp chống gian lận thương mại giữa các công ty kinh doanh LPG, đại lý và các cơ quan quản lý Nhà nước chưa đạt hiệu quả.
- KMB chưa đủ tiềm lực tài chính để thực hiện chiến lược định vị thương hiệu và quảng cáo.
- Từ tháng 8/2015, KMB cung cấp sản phẩm mới là khí CNG, đã tạo được niềm tin và uy tín với khách hàng. Tuy nhiên, theo chủ trương mới yêu cầu tạm dừng phát triển thêm khách hàng, cắt giảm sản lượng. Hiện tại nguồn cung CNG của KMB không đủ cấp cho các khách hàng đã ký hợp đồng CNG dài hạn từ năm 2015 và nửa đầu 2016



(từ tháng 6/2016, KMB đã ngừng phát triển khách hàng CNG mới) ảnh hưởng tới công tác phát triển và kinh doanh CNG của KMB trong năm 2016 và còn khó khăn trong các năm tiếp theo.

- Tháng 05/2016, Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đã chính thức đưa vào sử dụng, vòng quay kho còn thấp, tăng chi phí chung.

Kết quả các chỉ tiêu chính đạt trong năm 2016 như sau:

- + Lần đầu tiên xuất khẩu LPG ra thị trường nước ngoài;
- + Giữ vững thị phần kinh doanh, ký kết hợp đồng mới với nhiều khách hàng, đối tác lớn;

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% TH/ KH 2016
Sản lượng				
LPG	Tấn	180.703	202.202	112%
CNG	Triệu Sm ³	34,42	43,76	127%
Doanh thu	Tỷ đồng	2.382	2.525	106%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,3	0,608	3,97%

2. Tình hình thực hiện các dự án trong năm 2016 như sau:

- Đến năm 2016, Công ty đã hoàn thành các dự án lớn phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty theo phê duyệt của Tổng công ty Khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Chính phủ.
- Các dự án trong năm 2016 hoàn toàn là đầu tư các trạm cấp LPG/CNG cho các khách hàng, vốn đầu tư các trạm cấp này nhỏ và chủ yếu sử dụng vốn của khách hàng.
- Quản lý chặt chẽ, bám sát kế hoạch, tiến độ các dự án của Công ty.
- Vốn đã giải ngân cả năm là: 61,62 tỷ đồng, đạt 70 % theo kế hoạch do chưa quyết toán một số gói thầu thuộc dự án Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng, một số gói thầu thuộc dự án đầu tư cung cấp CNG.

2.1 Dự án Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng

Đã hoàn thành dự án vào tháng 12/2015 và khánh thành để chính thức đưa vào hoạt động tháng 05/2016.

- Địa điểm xây dựng: Khu dịch vụ hậu cần cảng địa phương, đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- Qui mô, công suất: 3.000 tấn (2 bể mỗi bể 1.500tấn).
- Giai đoạn 1: 01 bồn 1500 tấn
- Công trình và nhóm dự án: Công trình Công nghiệp, Nhóm B
- Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: 293,7 tỷ đồng.

2.2 Dự án phân phối khí tự nhiên nén CNG:

- Hoàn thành cung cấp, lắp đặt thiết bị và đưa vào cung cấp CNG cho nhà máy : Sứ Long Phương, Mitac, Catalan, Enkei, Gạch Thạch Bàn, Thép SSE, Gạch Vigracera Tiên Sơn, Kính nổi VFG. . .

2.3 Hoàn thành dự án lắp đặt 02 bồn chứa LPG 30 tấn cho nhà máy sản xuất lon gas mini DEASUN thuê tại Tổng kho Khí hóa lỏng Miền Bắc (Đình Vũ, Hải Phòng); các trạm cấp LPG cho các nhà máy như Lioa, Texhong...

3. Tình hình thực hiện tái cơ cấu Công ty:

Hoàn thành việc sáp nhập các Công ty trực thuộc vào Công ty KMB, đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh của toàn Công ty liên tục, người lao động yên tâm công tác.

Thành lập các chi nhánh tại khu vực, chi nhánh tại các tỉnh đảm bảo tiếp nhận toàn bộ chức năng nhiệm vụ/con người/tài sản/quyền và nghĩa vụ từ các công ty trực thuộc và kế thừa các hoạt động của các công ty trực thuộc nên thị trường vẫn duy trì và phát triển ổn định.

4. Tình hình đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp khác:

Việc thực hiện thoái vốn đầu tư tại các công ty: HDQT hiện đang tìm các nhà đầu tư có quan tâm đến các công ty có vốn góp của KMB như: Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí (25 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (10 tỷ đồng). Riêng khoản vốn đầu tư vào Công ty Đầu tư và Tư vấn Tài chính nay là Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam, Công ty đã trích lập dự phòng 100% vốn đầu tư.

5. Công tác quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HDQT

Trong năm 2016, HDQT đã làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, quyết định những nội dung quan trọng sau đây:

Quý 1/2016:

- Giao kế hoạch SXKD 2016 để Giám đốc chỉ đạo các bộ phận thực hiện.
- Thành lập các chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Thành lập Tổng kho các sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng.

Quý 2/2016

- Chấp thuận chủ trương chuyển nhượng Kho chứa đạm PVFCCo tại Công trình Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung bộ.
- Sáp nhập các Công ty trực thuộc vào Công ty.
- Chấm dứt hoạt động các chi nhánh của công ty trực thuộc.

Quý 3/2016:

- Ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty.

Quý 4/2016:

- Thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty.

6. Công tác quản lý và giám sát Ban Giám đốc và bộ máy điều hành công ty.

Công ty có đặc điểm thuận lợi là 04/05 thành viên HDQT đều nằm trong ban lãnh đạo Công ty, HDQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của ban điều hành thông qua các công tác:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành công ty.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành công ty về việc triển khai các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HDQT hoặc về việc chuẩn bị và triển khai các dự án.

- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành và kịp thời chỉ đạo các vướng mắc nảy sinh.
- Các ý kiến của Ban Kiểm soát đều được HĐQT tiếp thu và xem xét cẩn trọng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2017.

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, dựa trên Chiến lược phát triển bán lẻ của Tổng Công ty Khí Việt Nam, đồng thời phát huy những nhiệm vụ đã đạt được trong năm 2016, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2017 như sau:

- Chỉ đạo triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2017, giám sát thường xuyên công tác thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, phối hợp chặt chẽ cùng với Ban Giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, quyết định những vấn đề phục vụ cho SXKD của công ty nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Đẩy mạnh kinh doanh gas dân dụng, phát triển kênh phân phối trực tiếp đến người tiêu dùng, nâng cao năng lực cạnh tranh của cạnh tranh của thương hiệu PETROVIETNAM GAS thực hiện tốt chiến lược bán lẻ giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn đến 2025 đã được TCT phê duyệt.
- Triển khai thực hiện hợp đồng thuê vỏ bình với Tổng Công ty Khí Việt Nam.
- Tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính Dầu khí để tập trung nguồn lực vào ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
- Nâng cao công tác quản trị; yêu cầu Ban Giám đốc chỉ đạo, điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017 đã được phê duyệt, rà soát lại tất cả các định mức kỹ thuật, chi phí đảm bảo tiết giảm chi phí quản lý, không để công nợ xấu phát sinh.
- Tuân thủ các quy định về an toàn- vệ sinh-môi trường đảm bảo tuyệt đối an toàn trong toàn bộ các quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tích cực tìm kiếm các đối tác để bán hoặc cho thuê khu văn phòng tại Nghi Xuân- Hà Tĩnh; Cầu cảng và diện tích chưa sử dụng tại Tổng Kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng.
- Hoàn thành đầu tư đưa vào sử dụng trạm nạp LPG Thái Nguyên, mua lại 20% cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại TQT.
- Tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ và bất thường, quyết nghị các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.

III. ĐÁNH GIÁ – KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

Năm 2016, mặc dù Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong SXKD, nhưng với tinh thần đoàn kết, nhất trí của HĐQT, Ban Giám đốc và sự nỗ lực phấn đấu của CBCNV, sự ủng hộ của Tổng Công ty Khí Việt Nam cùng cổ đông, HĐQT Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ đã được giao cho.

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2017, Hội đồng quản trị KMB kiến nghị Tổng Công ty Khí Việt Nam tiếp tục hỗ trợ KMB các vấn đề sau:

- TCT xem xét tăng thời gian thanh toán đối với các hợp đồng mua bán LPG giữa KMB với KVN để giảm áp lực vốn cho KMB, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- TCT xem xét có chiến lược, cơ chế dài hạn đối với hoạt động kinh doanh CNG để KMB ổn định kinh doanh, đảm bảo cung cấp hàng đầy đủ cho các khách hàng đã ký hợp đồng lâu dài.
- TCT kịp thời triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển bán lẻ theo chiến lược đã phê duyệt của PVGAS để KMB sớm đưa vào thực hiện ngay từ đầu năm 2017.



Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016, phương hướng hoạt động năm 2017 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc.

Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016, phương hướng hoạt động năm 2017 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2017.

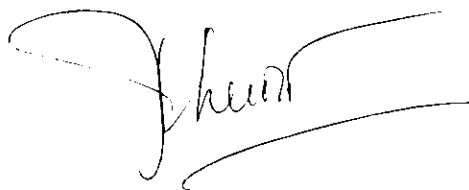
Tài liệu đính kèm: Báo cáo hoạt động năm 2016, phương hướng hoạt động năm 2017 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2017.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Kim Phượng

Số: 03 /BC.BKS-KMB
V/v: Báo cáo hoạt động BKS năm 2016

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Căn cứ thực hiện báo cáo:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc,

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc,
Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016,

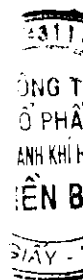
Thực thi trách nhiệm và quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty, trong năm tài chính 2016 Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ được giao và báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

PHẦN I – KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2016

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Nội dung kiểm soát trong năm bao gồm:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc sửa đổi, hoàn thiện và thực hiện các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các đơn vị thành viên.
- Thường xuyên theo dõi tình hình của Công ty qua các Nghị Quyết, Công văn, Chi thị của Tổng Công ty Khí Việt Nam- CTCP, Nghị quyết, Quyết định của Công ty.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc kiểm tra giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng, nguồn vốn, tài sản, nhân lực và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Kiểm tra kiểm soát đối với Người đại diện phần vốn của Công ty theo Quy chế Kiểm tra giám sát của Tổng Công ty ban hành.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm, các dự án đầu tư XDCB.
- Xem xét Báo cáo Tài chính hàng quý và cả năm. Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính trong năm đảm bảo tính đúng đắn minh bạch trong các báo cáo.
- Kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên, chi nhánh. Trung tâm phụ thuộc.



- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của Pháp luật.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi cuộc kiểm tra, Ban Kiểm soát đều có các ý kiến đánh giá, phân tích mặt được mặt yếu và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của Công ty nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao.

II. Kết quả kiểm tra giám sát

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính.

- Ban Kiểm soát xác nhận Báo cáo tài chính của Công ty được lập tại ngày 31/12/2016 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam, hệ thống kế toán Việt nam. Báo cáo được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.
- Trong năm 2016 Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của các Tổ chức niêm yết bằng hệ thống công bố thông tin điện tử lên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định của Bộ Tài chính ban hành về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.
- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2016 của Công ty là lành mạnh, khả năng thanh toán nợ đều đảm bảo. Công ty đã bảo toàn tài sản và vốn.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PVGAS NORTH.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016, do Công ty TNHH Deloitte Việt Nam phát hành ngày 22/03/2017.

2. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh qua các chỉ tiêu tài chính

- Năm 2016 Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao trên các chỉ tiêu: Doanh thu thực hiện 2.525 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế thực hiện 0,61 tỷ đồng
- Các công trình được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật Đấu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình. Trong Quý II/2016, Công trình Tổng kho sản phẩm Dầu Khí Đà Nẵng đã khánh thành đưa vào sử dụng. Hiện nay các công trình đang được làm thủ tục quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo đúng quy định.
- Công ty tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động năm 2016.
- Trong công tác quản lý và hạch toán kế toán Công ty đã thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Kế hoạch tài chính, kế hoạch vốn đầu tư, kế hoạch giá thành đã được lập gắn liền với kế hoạch đầu tư & sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho công việc tổ chức và điều hành. Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế quản lý tài chính của Công ty cũng như của Tổng Công ty Khí VN – CTCP, không chi sai, chi lãng phí, làm thất thoát tài chính của đơn vị.
- Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 là 6%/cp bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đã thông qua.

Một số chỉ tiêu chính tình hình thực hiện Năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.382	2.525
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,3	0,61
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,24	0,61
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	277,198	277,198
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	4,22	0,22

Các nội dung khác Công ty đã thực hiện và tuân thủ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016.

III. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của HĐQT và Ban GD:**

- Ban Kiểm soát đánh giá cao tinh thần làm việc của HĐQT, Ban GD, tinh thần tiết kiệm, tính trung thực cũng như cần trọng trong lãnh đạo và quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016. Tuy nhiên thị trường LPG có nhiều biến động, trong năm giá bán LPG liên tục giảm sâu, thị trường bán bình luôn cạnh tranh với các hãng gas tư nhân. Các hãng gas đã đồng loạt đưa vào hoạt động các trạm chiết nạp gas nhằm xây dựng kênh phân phối ổn định và cạnh tranh quyết liệt. Công ty đã thực hiện theo đúng chiến lược phát triển hệ thống bán lẻ của Tổng Công ty phê duyệt.
- HĐQT đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được Tổng Công ty, ĐHĐCĐ phê duyệt.
- HĐQT đã hoàn thành công tác tái cơ cấu theo Nghị Quyết của Tổng Công ty, Tập đoàn.
- HĐQT đã ban hành 3 Nghị quyết và 38 Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.
- HĐQT, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện theo đúng Các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Giám đốc đã tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hàng tồn kho, tài sản không cần dùng tại đơn vị nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban Giám đốc đã tiếp tục rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.
- Chính sách đối với người lao động: Công ty đã đảm bảo thực hiện việc ký hợp đồng lao động, trích nộp BHXH, BHYT và các quyền lợi của người lao động theo đúng luật. Ngoài ra còn tham gia mua bảo hiểm thân thể cho CBCNV Công ty; Công ty đã xây dựng Quy

chế lương, thưởng; hệ thống tiêu chuẩn chức danh và chính sách nhân viên gắn liền với năng suất, chất lượng hiệu quả công việc người lao động nhằm khuyến khích động viên người lao động phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc; chú trọng gắn đào tạo với sử dụng, khuyến khích nhân viên tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với công việc; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể đội ngũ CBCNV; Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại khuyến khích vào tạo điều kiện cho CBCNV học tập, đào tạo, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại PVGAS NORTH.

2. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban GD và các cán bộ quản lý

- Trong năm qua, Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ HĐQT và Ban GD. Ban GD và các cán bộ quản lý tại các đơn vị đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát.
- Ban Kiểm soát được mời tham dự hầu hết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và hàng tháng đều tham dự họp giao ban Công ty. Tại các cuộc họp này Ban Kiểm soát cũng đã tham gia đóng góp ý kiến trên phương diện đảm bảo tính phù hợp trong các hoạt động của Công ty.
- Giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, thực thi các nhiệm vụ ĐHCĐ đã giao.
- Ban kiểm soát thực hiện thâm định báo cáo Tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát hàng quý, năm của Ban Kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

IV. Ý kiến đóng góp của BKS

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập, thực hiện chiến lược phát triển và mục tiêu năm 2017 cũng như trong tương lai của Công ty, Ban kiểm soát có một số ý kiến đóng góp cho công tác quản lý và điều hành kinh doanh như sau:

- Tăng cường kiểm tra giám sát nội bộ việc thực hiện các quy chế, quy trình, quy định phân cấp. Thông qua quản lý Người đại diện tại các chi nhánh, các phòng chức năng của Công ty cần giám sát hoạt động của các chi nhánh, cập nhật thông tin và báo cáo Ban Giám đốc kịp thời xử lý.
- Các cán bộ quản lý có nhiệm vụ xây dựng và theo dõi thực hiện quy chế, định mức, phải thường xuyên có báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện cho Ban Giám đốc để kịp thời có biện pháp điều chỉnh cơ chế cho phù hợp với tình hình kinh doanh và có biện pháp chấn chỉnh những đơn vị, bộ phận vi phạm quy chế.
- Tăng cường công tác Kế toán quản trị để cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho Ban Lãnh đạo Công ty. Kiểm soát chặt chẽ công nợ và các loại tài sản. Xác định chính xác nhu cầu vốn theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.
- Tiếp tục triển khai giám sát thực hiện quyết toán các dự án đầu tư.

PHẦN II – KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2017

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. BKS xây dựng kế hoạch làm việc năm 2017 như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2017. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát tình hình

triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và chiến lược phát triển Công ty đến năm 2017, định hướng đến năm 2025.

- Kiểm tra giám sát nội bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017. Phân tích tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào đơn vị khác.
- Giám sát đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị của các cơ quan quản lý Nhà nước, Tổng Công ty.
- Giám sát và phối hợp chặt chẽ Tổ Công bố thông tin trong việc thực hiện công bố thông tin qua Hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định hiện hành .
- Kiểm tra công tác đầu tư, mua sắm của Công ty và các đơn vị trong Công ty.
- Lập và gửi Báo cáo kiểm tra giám sát hàng quý, năm cho Tổng Công ty đúng thời hạn.
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận làm công tác kiểm toán, kiểm soát tại Tổng Công ty để có được sự chỉ đạo thống nhất, hỗ trợ tốt trong công việc kiểm tra, giám sát.

PHẦN III- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2017

- Qua hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã được kiểm chứng bằng việc đã tham gia hầu như toàn bộ công việc kiểm toán đối với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam và đã thực hiện công việc kiểm toán tại Công ty KMB từ năm 2007 đến nay, Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2017.

Trên đây là báo cáo tóm tắt về tình hình hoạt động năm 2016, kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập 2017.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT,
- Ban GD, Ban KS;
- Lưu:VT, KP.(02).

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Kim Phượng

TỜ TRÌNH

Về việc : Sửa đổi tên của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng miền Bắc

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc;

Căn cứ thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (KMB).

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 về việc sửa đổi tên của Công ty như sau:

Thực tế tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty KMB hiện đã có thêm mảng kinh doanh khí thiên nhiên nén (CNG), tên Công ty hiện dùng chỉ bao quát được phần hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế và sản phẩm công ty đang kinh doanh, dự kiến đổi tên Công ty là:

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc điều chỉnh tên Công ty để Hội đồng quản trị KMB có cơ sở thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT. AT03.





QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2022

(Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc.

Quy chế này quy định các vấn đề liên quan đến việc bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2017 - 2022 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc. Cụ thể như sau:

Điều 1: Đối tượng áp dụng

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông công ty chốt ngày 20/03/2017) có quyền tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2: Ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là: 05 (năm) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm.
2. Điều kiện để được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị
 - Đại diện hợp pháp của cổ đông là tổ chức sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết tương đương từ 10% vốn điều lệ trở lên trong vòng 06 (sáu) tháng liên tiếp.
 - Cổ đông cá nhân/Đại diện hợp pháp nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết tương đương từ 10% vốn điều lệ trở lên trong vòng 06 (sáu) tháng liên tiếp.
 - Số lượng thành viên HĐQT được ứng cử/đề cử được quy định như sau: Cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ/đại diện hợp pháp:
 - o Từ 10% đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng cử viên
 - o Từ 20% đến dưới 30% cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 02 (hai) ứng cử viên
 - o Từ 30% đến dưới 50% cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 03 (ba) ứng cử viên
 - o Từ 50% đến dưới 65% cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 04 (bốn) ứng cử viên
 - o Từ 65% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số thành viên.
 - Số lượng ứng cử viên được đề cử hoặc ứng cử tại Đại hội là không hạn chế tối đa.
 - Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT được thông qua không đủ số lượng cần thiết (05 người) thì cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng với số lượng cổ phần lớn nhất có quyền đề cử thêm cho đủ số lượng thành viên hội đồng quản trị. Ứng cử viên



HDQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Tiêu chuẩn của người ứng cử, được đề cử vào Hội đồng quản trị

- Người ứng cử, được đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, có lý lịch rõ ràng, nhân thân tốt, có trình độ từ Đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp, có năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh và không bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú tại Việt Nam.
- Người ứng cử và người được đề cử vào HDQT không phải là người ứng cử hoặc được đề cử vào Ban kiểm soát.
- Việc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị phải có thời hạn ủy quyền ít nhất 60 (sáu mươi) tháng.

Điều 3: Ứng cử, đề cử vào Ban kiểm soát

- 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là: 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm.**
- 2. Điều kiện được ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát**
 - Đại diện hợp pháp của cổ đông là tổ chức sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết tương đương từ 10% vốn điều lệ trở lên trong vòng 06 (sáu) tháng liên tiếp.
 - Cổ đông cá nhân/Đại diện hợp pháp nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết tương đương từ 10% vốn điều lệ trở lên trong vòng 06 (sáu) tháng liên tiếp.
 - Số lượng thành viên BKS được ứng cử/đề cử được quy định như sau: Cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ/đại diện hợp pháp:
 - o Từ 10% đến dưới 30% cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên
 - o Từ 30% đến dưới 50% cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 02 (hai) thành viên
 - o Từ 50% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số thành viên
 - Số lượng ứng cử viên được đề cử hoặc ứng cử tại Đại hội là không hạn chế tối đa.
 - Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS được thông qua không đủ số lượng cần thiết (03 người), BKS đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng cử viên cho đủ số lượng. Ứng cử viên do BKS đương nhiệm đề cử vào BKS phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 3. Tiêu chuẩn của người ứng cử, được đề cử vào Ban kiểm soát:**
 - Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
 - Người ứng cử và người được đề cử vào BKS không phải là người ứng cử hoặc được đề cử vào HDQT.
 - Người ứng cử/ được đề cử để được bầu làm thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.
 - Trong BKS phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang

thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 4: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử vào HĐQT và BKS phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội, bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu trên trang web của Công ty: www.pvgasn.vn);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu trên trang web của Công ty: www.pvgasn.vn);
- Bản sao có chứng thực: Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài và các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
- Giấy xác nhận về việc nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết tương đương ít nhất 10% vốn Điều lệ Công ty trong thời gian liên tục từ đủ 06 tháng trở lên của cổ đông tự ứng cử hoặc cổ đông/nhóm cổ đông đề cử ứng viên.
- Giấy Chứng nhận sức khỏe năm 2016 được cấp của cơ sở y tế từ cấp quận/huyện trở lên.

Điều 5: Thẻ lệ bầu cử tại Đại hội

1. Phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu cử HĐQT và BKS được in sẵn họ và tên người ứng cử có đóng dấu treo Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc.
- Phiếu bầu cử có in mã số cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông (bao gồm số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền), tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT bằng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với số lượng thành viên HĐQT được bầu; Tổng số phiếu bầu thành viên BKS bằng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với số lượng thành viên BKS được bầu.
- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền được phát 01 (một) Phiếu bầu cử bầu HĐQT và BKS.

2. Phương thức bầu cử:

- Bỏ phiếu kín và bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS. Các cổ đông điền số phiếu bầu cho mỗi thành viên mà mình bầu sao cho tổng số phiếu bầu của các thành viên phải bằng hoặc thấp hơn số phiếu bầu của mỗi cổ đông. Số lượng phiếu bầu bầu cho các thành viên không nhất thiết phải bằng nhau. Cổ đông có quyền dồn một phần hoặc toàn bộ số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban bầu cử để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và nộp lại phiếu cũ.
- Cổ đông không bầu cho người nào trong danh sách bầu cử thì để trống ô số phiếu được bầu của người đó.
- Tỷ lệ phiếu bầu được tính căn cứ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Phiếu bầu không hợp lệ là các phiếu thuộc một hoặc một số trường hợp sau:
 - o Phiếu bầu vượt quá số lượng thành viên HĐQT (05 thành viên), BKS (03 thành viên) đã được Đại hội quyết định.
 - o Phiếu bầu vượt quá số lượng phiếu được bầu mà cổ đông sở hữu và được ủy

quyền.

- Phiếu viết thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thông qua.
- Phiếu không có dấu treo của Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc.

3. Điều kiện trúng cử:

- Các ứng cử viên trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ.
- Trường hợp số lượng trúng cử ít hơn số lượng cần bầu thì Đại hội tiến hành bầu cử lần hai trong số những ứng viên chưa trúng cử để chọn tiếp cho đủ số thành viên HĐQT, BKS. Nếu bầu lần hai vẫn chưa chọn được thì việc bầu tiếp hay không do Đại hội quyết định.
- Trường hợp số lượng trúng cử vượt quá số lượng cần bầu và có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì ứng cử viên nào sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Trường hợp số cổ phần sở hữu ngang nhau thì tiến hành bầu lần hai đối với những ứng cử viên này để lựa chọn. Nếu bầu lần hai vẫn bằng nhau thì việc có tiếp tục bầu cử nữa hay không do Đại hội quyết định.

Điều 6: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 7: Điều khoản thi hành

- Quy chế bầu cử này được trình bày trước Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc và thông qua ngay sau khi được sự chấp thuận của cổ đông đại diện có quyền biểu quyết tham dự Đại hội với tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ./.

TM/ BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG



TỜ TRÌNH

Về việc: Công tác nhân sự của Công ty

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (KMB);

Căn cứ công văn số 679/KVN-PTNL ngày 14/4/2015 của Tổng Công ty Khí Việt Nam về việc giới thiệu nhân sự;

Căn cứ công văn số 892/KVN-PTNL ngày 19/4/2017 của Tổng Công ty khí Việt Nam về việc đề cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc;

Căn cứ công văn số 893/KVN-PTNL ngày 19/4/2017 của Tổng Công ty khí Việt nam về việc đề cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (KMB) báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua công tác nhân sự của (KMB) như sau:

Hội đồng quản trị KMB kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị công ty như sau:

1. Miễn nhiệm ông Phạm Tô Văn thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị do đã nghỉ hưu.
2. Miễn nhiệm ông Nguyễn Thanh Bình thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị để nhận nhiệm vụ khác.

Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022:

1. Ông Trần Trọng Hữu – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Ông Đoàn Trúc Lâm – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty
3. Bà Hoàng Thị Thu Hằng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc
4. Ông Trịnh Văn Minh – Thành viên Hội đồng quản trị
5. Ông Vương Dũng Hoàng – Thành viên Hội đồng quản trị

Bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022 như sau:

1. Bà Trần Thị Kim Phụng – Trưởng ban Kiểm soát
2. Bà Trần thị Việt Anh – Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Chu Minh Hà – Thành viên Ban Kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HDQT, AT03.

